

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**Đọc văn bản:****NỮ OA TẠO RA LOÀI NGƯỜI**

Khi ấy, trời đất mới sinh, đã có cây cỏ, muôn thú mà chưa có loài người. Thế giới giống như một bức tranh buồn tẻ. Đi giữa thế giới hoang sơ, buồn tẻ ấy là vị đại thiên thần, chính là Nữ Oa. Lúc ấy, bà cảm thấy buồn chán, cô độc bèn nghĩ rằng cần phải tạo ra một cái gì đó cho thế giới này thêm vui tươi, giàu sức sống. Bà nghĩ ngợi hồi lâu, rồi đến bên đầm nước, lấy bùn đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dáng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật xinh xắn, đáng yêu.

Lạ thay, vừa đặt xuống mặt đất, đồ vật xinh xắn ấy bỗng dưng có sức sống, cất tiếng nói trong trẻo, nhảy múa, vui đùa. Đồ vật xinh xắn ấy gọi là “Người”. “Người” được bàn tay nữ thần tạo ra, không giống các loài muông thú bởi được mô phỏng từ hình dáng của vị nữ thần. Nữ Oa vô cùng thích thú, hài lòng về sản phẩm do mình vừa tạo ra, bèn tiếp tục dùng đất bùn màu vàng hòa nhuyễn với nước nhào nặn ra rất nhiều người, trai có, gái có. Nhìn những con người vui đùa, cười nói xung quanh mình, Nữ Oa cảm thấy vui vẻ hẳn lên, không còn cô độc, buồn bã nữa.

Nhưng mặt đất hoang sơ vô cùng rộng lớn, bà làm việc không ngừng nghỉ trong một thời gian rất lâu mà mặt đất vẫn trống trải. Bà cứ miệt mài làm việc, làm tới lúc mệt lắm rồi mà mặt đất vẫn trống trải quá. Bà bèn nghĩ ra một cách, lấy một sợi dây, nhúng vào trong nước bùn, vung lên khắp phía. Người thì bảo bà dùng một sợi dây thừng, nhưng hồi đó làm gì có dây thừng, có lẽ bà đã dùng một sợi dây lấy từ một loài cây dây leo. Khi bà vung sợi dây dính đầy thứ bùn từ đất vàng đó lên, các giọt bùn đất màu vàng bắn đi khắp nơi, rơi xuống đất liền biến thành người, cười nói, chạy nhảy. Thế là mặt đất trở nên đông đúc bao nhiêu là người.

(Trích “Nữ Oa” (Thần thoại Trung Quốc), Dương Tuấn Anh (sưu tầm, tuyển chọn) NXB Giáo dục Việt Nam, 2009).

Lựa chọn đáp án đúng:**Câu 1:** Xác định thể loại của văn bản trên:

- A. Cổ tích
- B. Truyền thuyết
- C. Thần thoại
- D. Sử thi

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Biểu cảm

Câu 3: Theo đoạn trích, nhân vật Nữ Oa xuất hiện trong bối cảnh (thời gian, không gian) như thế nào?

- A. Trời đất mới sinh, đã có loài người nhưng chưa có cỏ cây muông thú.
- B. Trời đất mới sinh, đã có cỏ cây muông thú, mà chưa có loài người.
- C. Trời đất mới sinh, chỉ có Nữ Oa cũng một số vị thần như thần Lửa, thần Nước.

D. Trời đất mới sinh, có cỏ cây muôn thú và các vị thần Lửa, thần Nước.

Câu 4: Phương án nào sau đây đúng và đủ các sự kiện chính trong đoạn trích Nữ Oa?

- A. Nữ Oa tạo ra loài người.
- B. Nữ Oa bênh vực loài người, Nữ Oa trừng phạt thần Lửa và thần Nước.
- C. Nữ Oa yêu thương con người, Nữ Oa tạo ra loài người.
- D. Nữ Oa luyện đá vữa trời, giúp đỡ loài người.

Câu 5: Đoạn trích Nữ Oa thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Biết ơn người có công với cộng đồng.
- B. Tôn vinh người anh hùng.
- C. Thương xót con người bé nhỏ.
- D. Biết ơn thần linh và con người.

Câu 6: Dòng nào dưới đây không đúng với truyện Nữ Oa?

- A. Mang yếu tố hoang đường kỳ ảo
- B. Kết thúc truyện có hậu
- C. Nhân vật có khả năng phi thường
- D. Truyện được kể theo lời nhân vật

Câu 7: Nhân vật Nữ Oa hội tụ những vẻ đẹp gì?

- A. Vẻ đẹp sức mạnh và cảm xúc
- B. Vẻ đẹp thể chất và ước mơ
- C. Vẻ đẹp trí tuệ và tình cảm
- D. Vẻ đẹp sức mạnh và trí tuệ

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8: Về phương diện thể loại, đoạn trích Nữ Oa giống đoạn trích nào đã học, và hãy chỉ những điểm giống nhau đó?

Câu 9: “Niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn” là một trong những vẻ đẹp của thần thoại. Theo anh/chị, niềm tin ấy còn có sức hấp dẫn với con người hiện đại không?

Câu 10: Anh chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

II. VIẾT (4 điểm)

Đọc bài thơ:

CHÂN QUÊ (Nguyễn Bính)

Hôm qua em đi tỉnh về,
 Đợi em ở mãi con đê đầu làng.
 Khăn nhung, quần lĩnh rộn ràng.
 Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
 Nào đâu cái yếm lụa sồi?
 Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
 Nào đâu cái áo tứ thân?
 Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

Nói ra sợ mất lòng em,
 Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.
 Như hôm em đi lễ chùa,
 Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.
 Hoa chanh nở giữa vườn chanh,
 Thấy u mình với chúng mình chân quê.

Hôm qua em đi tỉnh về,
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

(Nguyễn Bình Hồng Cầu, *Nguyễn Bình toàn tập* (tập 1), NXB Hội Nhà văn, 2017)

Thực hiện yêu cầu:

Tình cảm đối với quê hương của chàng trai được thể hiện như thế nào trong bài thơ? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ).

---Hết---

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	A	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	<p>Đoạn trích Nữ Oa giống đoạn trích “Thần Trụ Trời” đã học.</p> <p>Điểm giống nhau: đều nói về nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	0,5
	9	<ul style="list-style-type: none"> - Niềm tin ấy vẫn còn sức hấp dẫn đối với con người hiện đại, thể hiện qua các tín ngưỡng của nhân dân ta vẫn còn lưu giữ đến ngày nay như thờ sơn thần, thủy thần, thờ cá ông,... Có thể nói, người Việt ta vẫn có một niềm tin vô hình vào những vị thần chế ngự thiên nhiên, đặc biệt đối với những gia đình làm nông nghiệp. - Tin vào sự tồn tại ở thế giới khác không phải là điều xấu, nếu điều đó làm cho bản thân chúng ta tốt hơn. Chỉ những kẻ dựa vào đó để trục lợi, lợi dụng niềm tin của người khác mới đáng lên án. 	1,0

		<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	
	10	<p>Thông điệp tích cực thông qua văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các vị thần linh đã có công tạo ra vũ trụ, con người, giúp con người vượt qua mọi thiên tai bằng tất cả tình yêu thương và tâm trí của mình. <p>➔ Chính vì vậy, mọi người hãy biết ơn, bảo vệ, giữ gìn để nó xứng đáng có công lao của các vị thần linh.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương với một ý đã gợi trong đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 - 0,75 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	1,0
II		VIẾT	4,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <p>Tình cảm của chàng trai đối với quê hương qua bài thơ <i>Chân quê</i> của Nguyễn Bính.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm. 	0,25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:</p>	2,0
		<ul style="list-style-type: none"> - Muốn gìn giữ vẻ đẹp truyền thống tốt đẹp của quê hương - Lo âu, băn khoăn, day dứt, dự cảm về những thay 	1,5

		đổi nhanh chóng của những giá trị mang bản sắc văn hóa dân tộc. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,75 điểm – 1,0 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.	
		- Đánh giá chung: + Thể thơ lục bát, ngôn ngữ, hình ảnh đậm tính dân tộc. + Tình cảm chân thành, thiết tha, giàu suy tư... Hướng dẫn chấm: - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
I+II			10

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**Đọc văn bản sau:****Câu chuyện về Thần núi Tản Viên**

[...]

Có truyền thuyết kể rằng thần núi Tản Viên tuy thuộc dòng dõi vua Lạc Long Quân nhưng thuở lọt lòng bị bỏ rơi trong rừng, được một người tiểu phu gặp đem về nuôi, đặt tên là Kỳ Mạ. Sở dĩ thần có tên này là vì trước khi gặp cha nuôi, đứa bé mới lọt lòng đã được dê rừng cho bú, chim chóc ấp ủ cho khỏi chết. Kỳ Mạ chóng lớn khôn, theo nghề cha nuôi ngày ngày vác rìu vào rừng đốn củi.

Một hôm, Kỳ Mạ đốn một cây đại thụ. Cây to lớn quá, chặt từ sáng đến chiều mà vẫn chưa hạ nổi. Bỏ dở ra về, đến sáng hôm sau trở vào rừng, Kỳ Mạ hết sức ngạc nhiên thấy những vết chặt đã dính liền lại khắp thân cây. Kỳ Mạ xách rìu lại chặt nữa, suốt ngày ráng hết sức không xong, đến ngày thứ hai trở lại cũng thấy cây vẫn

nguyên vẹn như chưa hề bị động tới. Không nản chí, Kỳ Mạng ra công cố chặt, quyết hạ cho kỳ được, rồi đến tối ở lại nấp gần cây rình xem sự thế. Vào khoảng nửa đêm, Kỳ Mạng thấy một bà lão hiện ra, tay cầm gậy chỉ vào cây, đi một vòng quanh cây, tự nhiên những vết chặt lại liền như cũ. Kỳ Mạng nhảy ra khỏi chỗ nấp, tức giận hỏi bà lão sao lại phá công việc của mình. Bà lão nói :

– Ta là thần Thái Bạch. Ta không muốn cho cây này bị chặt vì ta vẫn nghỉ ngơi ở trên cây.

Kỳ Mạng mới phản đối:

– Không chặt cây thì tôi lấy gì mà nuôi sống?

Bà thần đưa cho Kỳ Mạng cái gậy và dặn rằng : “Gậy này có phép cứu được bách bệnh. Hễ ai ốm đau chỉ cầm gậy gõ vào chỗ đau là khỏi, vậy ta cho ngươi để cứu nhân độ thế”.

Kỳ Mạng nhận gậy thần, từ đấy bỏ nghề kiếm củi, đi chữa bệnh cho người đau. Có một hôm, đi qua sông thấy lũ trẻ chần trâu đánh chết một con rắn trên đầu có chữ vương, Kỳ Mạng biết là rắn lạ mới cầm gậy thần gõ vào đầu con rắn thì con rắn ấy sống lại, bò xuống sông mà đi mất.

Được vài hôm, bỗng có một người con trai, đem đồ vàng ngọc, châu báu đến nói rằng :

– Thưa ngài, tôi là Tiểu Long Hầu, con vua Long Vương bể Nam. Bữa trước tôi đi chơi trên trần, chẳng may bị bọn trẻ con đánh chết. Nhờ có ngài mới được sống, nay mang lễ vật lên xin được tạ ơn.

Kỳ Mạng nhất định không lấy. Tiểu Long Hầu mới cố mời xuống chơi dưới bể, đưa ra một cái ống linh tê, để Kỳ Mạng có thể rẽ nước mà đi.

Long Vương thấy ân nhân cứu con mình xuống chơi thì mừng lắm, mở tiệc thết đãi ba ngày, rồi đưa tặng nhiều của quý lạ, nhưng Kỳ Mạng vẫn một mực chối từ. Sau cùng Long Vương mới biểu một quyển sách ước. Lần này Kỳ Mạng nhận sách mang về trần. Cuốn sách ước chỉ gồm có ba tờ bằng da cá, ngoài bọc vỏ rùa. Ba trang sách, mỗi trang chứa một tính chất : Kim, Mộc, Hỏa... chỉ thiếu một trang Thủy mà Long Vương giữ lại.

Kỳ Mạng mới bắt đầu thử xem linh nghiệm ra sao, mở sách ra đặt tay vào trang Hỏa khấn khứa thì được nghe thấy sấm sét giữa lúc trời quang mây tạnh, rồi chỉ trong nháy mắt trên trời vùn vụt đầy mây, chớp sáng, sấm sét nổi lên rung chuyển cả bầu trời.

Kỳ Mạng mỉm cười đắc ý, đặt tay vào trang Mộc, ước ao thấy một rừng cây đi. Tức thì những cây ở trước mặt chàng tự nhiên tiến bước như một đạo quân.

Kỳ MẠng gấp sách lại, thấy mình từ đấy uy quyền, sức mạnh không còn ai sánh kịp. Rồi bắt đầu lang thang đó đây cứu giúp đời. Khi đã thành thần rồi, nhân một hôm qua cửa Thần Phù, ngài mới ngược dòng sông lên núi Tản Viên, ở luôn tại đấy. Với cuốn sách ước, ngài dựng lên những lâu đài cung điện nguy nga giữa chốn rừng núi hoang vu.

Từ đó tiếng đồn đi rằng núi Tản Viên do một vị thần phép thuật thần thông cai quản. Thần Tản Viên còn có tên gọi là Sơn Tinh nữa.

– Truyện thần thoại Việt Nam- TheGioiCoTich.VN –

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên:

- A. Thần thoại suy nguyên
- B. Sử thi
- C. Cổ tích
- D. Thần thoại sáng tạo

Câu 2. Theo văn bản, thần núi Tản Viên còn được biết đến với tên gọi nào khác?

- A. Lạc Long Quân
- B. Sơn Tinh
- C. Kỳ MẠng
- D. Cả B và C

Câu 3. Cuốn sách Long Vương tặng Kỳ MẠng thiếu trang nào?

- A. Thủy
- B. Kim
- C. Hỏa
- D. Mộc

Câu 4. Câu văn nào thể hiện đầy đủ nhất sự thần kì của cây gậy được thần Thái Bạch tặng Kỳ MẠng?

A. Gậy này có phép cứu được bách bệnh. Hễ ai ốm đau chỉ cầm gậy gõ vào chỗ đau là khỏi, vậy ta cho người để cứu nhân độ thế.

B. Vào khoảng nửa đêm, Kỳ MẠng thấy một bà lão hiện ra, tay cầm gậy chỉ vào cây, đi một vòng quanh cây, tự nhiên những vết chặt lại liền như cũ.

C. Kỳ Mạng nhận gậy thần, từ đây bỏ nghề kiếm củi, đi chữa bệnh cho người đau.

D. Có một hôm, đi qua sông thấy lũ trẻ chần trâu đánh chết một con rắn trên đầu có chữ vương, Kỳ Mạng biết là rắn lạ mới cầm gậy thần gõ vào đầu con rắn thì con rắn ấy sống lại, bò xuống sông mà đi mất.

Câu 5. Sau khi nhận được gậy Thái Bạch tặng, Kỳ Mạng đã làm nghề gì?

- A. Kiếm củi
- B. Chữa bệnh cứu người đau
- C. Đi chần trâu
- D. Xây lâu đài

Câu 6. Sau khi mở sách ước, Kỳ Mạng đặt tay vào trang Hỏa thì điều gì xảy ra?

- A. Một rừng cây đi
- B. Thần rắn xuất hiện
- C. Sấm sét xuất hiện giữa lúc trời quang mây tạnh, rồi chỉ trong nháy mắt trên trời vùn vụt đầy mây, chớp sáng, sấm sét nổi lên rung chuyển cả bầu trời
- D. Những lâu đài cung điện nguy nga giữa chốn rừng núi hoang vu

Câu 7. Dòng nào trong các phương án dưới đây thể hiện rõ nhất những phẩm chất của Kỳ Mạng?

- A. Chăm chỉ
- B. Thương người
- C. Ngay thẳng
- D. Tất cả các ý trên

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Thông điệp nào trong văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với bạn? Vì sao?

Câu 9. Qua nhân vật Kỳ Mạng, bạn có suy nghĩ gì về những phẩm chất cần có của con người trong cuộc sống hiện nay?

Câu 10. Viết từ 3-5 câu nêu vai trò của 01 chi tiết kì ảo xuất hiện trong văn bản trên?

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (6 điểm)**Câu 1: Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống:**

.....là một trong những thể loại truyện dân gian. Kể về các vị thần, các nhân vật anh hùng, nhân vật văn hóa; qua đó phản ánh quan niệm của người thời cổ về nguồn gốc thế giới và đời sống con người.

- a. Sử thi
- b. Thần thoại
- c. Truyền thuyết
- d. Cổ tích

Câu 2: Không gian trong truyện thần thoại là ?

- a. Xã hội hiện đại
- b. Mở ra theo những cuộc phiêu lưu gắn với các kỳ tích của người anh hùng
- c. Vũ trụ đang trong quá trình tạo lập
- d. Làng xóm

Câu 3: Những đặc điểm của nhân vật anh hùng sử thi:

- ☐ Sở hữu sức mạnh, tài năng, lòng dũng cảm phi thường
- ☐ Luôn sẵn sàng đối mặt với thách thức, hiểm nguy
- ☐ Lập nên những kỳ tích, uy danh lẫy lừng
- ☐ Thường là thần có sức mạnh phi thường
- ☐ Có tài năng kỳ lạ

Câu 4: Cảm hứng chủ, đạo của sử thi là;

- a. Ngợi ca sức mạnh cộng đồng thông qua nhân vật người anh hùng
- b. Tôn vinh những nhân vật lịch sử
- c. Cảm thông với những số phận bất hạnh
- d. Ngưỡng mộ những nhân vật có tài năng kỳ lạ

Câu 5: Thần thoại và sử thi giống nhau ở điểm nào:

- a. Tác phẩm tự sự dân gian
- b. Kể về các vị thần
- c. Kể về các biến cố lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng
- d. Sử dụng ngôn ngữ có vần nhịp

Câu 6: Quan hệ con người trong tác phẩm sử thi là quan hệ gì?

- a. Cá nhân đứng trên cộng đồng thị tộc

- b. Cá nhân gắn bó với cộng đồng thị tộc
- c. Cá nhân đứng bên ngoài cộng đồng thị tộc
- d. Cá nhân xung đột với cộng đồng thị tộc

Câu 7: Cách giải thích quá trình tạo lập thể giới của tác giả dân gian có còn phù hợp với xã hội ngày nay hay không? Vì sao?

Câu 8: Trong sử thi lời nói của nhân vật người anh hùng có ý nghĩa như thế nào?

Câu 9: Nhân vật sử thi gợi cho anh/chị suy nghĩ như thế nào về mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng.

Câu 10: Trình bày những điều mà anh/chị tâm đắc nhất sau khi học thể loại thần thoại (Khoảng 5 – 7 dòng).

uigeli.xyz ĐỀ 4	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 –2024 Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)
---------------------------	--

I. ĐỌC- HIỂU

Đọc văn bản sau :

Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng

Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là hai chị em, con của Trời. Công việc của Trời giao phó cho hai cô con gái là hàng ngày phải thay phiên nhau đi xem xét thế gian. Cô chị Mặt Trời ngồi kiệu có bốn người khiêng đi. Bọn khiêng kiệu gồm có hai lớp già và trẻ thay phiên nhau. Gặp phải bọn khiêng kiệu già đi chậm, cô Mặt Trời phải ngồi lâu, ngày ở dưới trần hóa dài ra. Đến lượt bọn trẻ khiêng kiệu đi mau, cô Mặt Trời được chóng công việc về sớm thì ngày ngắn lại.

Cô em Mặt Trăng tính tình nóng nảy không kém gì cô chị làm cho thiên hạ ở mặt đất suốt cả ngày đã phải chịu nóng bức vì cô chị, đến đêm lại cũng phải khó chịu vì cô em. Loài người than thở đến tận nhà Trời, bà mẹ mới lấy tro trát vào mặt cô Mặt Trăng. Từ đó cô em đổi tính ra hết sức dịu dàng, khác hẳn với cô chị, nên được người dưới trần ai cũng thích. Mỗi khi cô ngoảnh mặt nhìn xuống trần là lúc đó trăng rằm, ngoảnh lưng lại là ba mươi, ngoảnh sang phải, sang trái là trăng thượng huyền hay hạ huyền. Hôm nào trăng quầng là lúc vết tro trát mặt hiện ra.

Người ta nghe nói rằng chồng của hai nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là một con gấu. Mỗi lần gấu đến với vợ là sinh ra nguyệt thực hay nhật thực, lúc đó người dưới trần làm âm ỉ lên đánh trống, khu chiêng, gõ mõ, để cho gấu xa ra, vì gấu đi lại với vợ, che lấp Mặt Trời, Mặt Trăng làm hại cho mùa màng.

(Theo <https://thegioicotich.vn/nu-than-mat-troi-va-mat-trang/>)

Lựa chọn đáp án đúng :

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì ?

- A. Miêu tả , tự sự
- B. Kể
- C. Tự sự
- D. Thuyết minh

Câu 2. Thể loại của văn bản trên là gì ?

- A. Cổ tích
- B. Thần thoại
- C. Sử thi
- D. Truyền thuyết

Câu 3. Biện pháp tu từ nào được dùng chủ yếu trong văn bản trên ?

- A. Nhân hóa
- B. Liệt kê
- C. So sánh
- D. Phóng đại

Câu 4. Trong văn bản trên, ai là người kể chuyện ?

- A. Ông Trời
- B. Mặt Trời
- C. Mặt Trăng
- D. Người trực tiếp diễn xướng để kể lại cho công chúng

Câu 5. Khi nguyệt thực, nhật thực xảy ra con người *làm âm ỉ lên đánh trống, kua chiêng, gõ mõ*, để Mặt Trời Mặt Trăng khỏi bị che lấp làm hại mùa màng, liên quan hoạt động nào trong đời sống cộng đồng thời cổ đại ?

- A. Lễ hội
- B. Liên hoan
- C. Cầu nguyện thần linh
- D. Thờ cúng

Câu 6. Theo bạn :*“cô Mặt Trời phải ngồi lâu, ngày ở dưới trần hóa dài ra... cô Mặt Trời được chóng công việc về sớm thì ngày ngắn lại.”* giúp bạn liên tưởng đến câu tục ngữ nào dưới đây :

- A. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa
- B. Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng, ngày tháng mười chưa cười đã tối
- C. Con đường đông vừa trông vừa chạy, con đường nam vừa làm vừa chơi
- D. Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa

Câu 7. *Trăng thượng huyền* là hiện tượng trăng như thế nào ?

- A. Trăng tròn
- B. Trăng chưa tròn
- C. Trăng lưỡi liềm
- D. Trăng khuyết

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8 . Nêu ngắn gọn nội dung của văn bản trên.(0,5điểm)

Câu 9. Theo bạn, vì sao *"cô em đổi tính ra hết sức dịu dàng"* ?(1,0 điểm)

Câu 10. Có ý kiến cho rằng : *“Chịu sửa đổi mình là điều tốt nhưng không còn cá tính và sự khác biệt”*, bạn có đồng tình với ý kiến đó không? Bạn hãy viết đoạn văn 5-7 dòng để trình bày.(1,0 điểm)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Với chủ đề : *Lắng nghe tiếng nói từ Thiên nhiên*, bạn hãy viết bài văn nghị luận về tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 10

A. Yêu cầu chung:

- Giáo viên cần nghiên cứu kỹ hướng dẫn chấm, thống nhất phân chia thang điểm trong từng nội dung một cách cụ thể.
- Trong quá trình chấm, cần tôn trọng tính sáng tạo của học viên. Chấp nhận cách diễn đạt, thể hiện khác với đáp án mà vẫn đảm bảo nội dung theo chuẩn kiến thức kỹ năng và năng lực, phẩm chất người học.

B. Hướng dẫn cụ thể:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	B	0,5
	8	<p>Lí giải :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng trong tự nhiên, đặc điểm của Mặt trăng, Mặt trời. - Mối quan hệ giữa thiên nhiên với đời sống của con người. <p><i>Hướng dẫn chấm :</i> <i>Hv trả lời đầy đủ 2 ý 1 điểm</i> <i>Hv trả lời được 1 ý 0.5 điểm</i> <i>Hv không trả lời 0 điểm</i></p>	0,5
	9	<p>Gợi ý :</p> <p>Vì sự than thở của con người, sự trách phạt của nhà Trời và cũng vì bản thân muốn thay đổi.</p> <p><i>Hướng dẫn chấm :</i> <i>Hv trả lời đầy đủ 2 ý 1 điểm</i> <i>Hv trả lời chưa đầy đủ ý 0.5 điểm</i> <i>Hv không trả lời 0 điểm</i></p>	1,0
	10	<p>HV có thể đồng tình hoặc không nhưng phải bảo vệ ý kiến của mình.</p> <p>Gợi ý :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi là lắng nghe và để hoàn thiện chính mình. - Tạo sự khác biệt, giữ vững lập trường. - Xây dựng cộng đồng tốt đẹp. <p><i>Hướng dẫn chấm :</i> <i>- Hv trình bày rõ ràng, chính xác, lời văn gãy gọn, hợp chuẩn mực đạo đức, không sai lỗi chính tả. (1.0 điểm)</i> <i>- Hv trả lời tương đối rõ ràng, đầy đủ, vững về trong cách diễn đạt. (0.25 > 0.75 điểm)</i> <i>- Hv trả lời sai hoặc không trả lời. (0 điểm)</i></p>	1,0

II		Viết	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận	0,5
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Viết bài văn nghị luận về việc <i>tầm quan trọng bảo vệ rừng</i> .	0,5
		c. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận Hv có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý : - Tầm quan trọng của rừng : điều hòa khí hậu, thời tiết, bảo vệ an ninh quốc phòng, lá phổi xanh. Ngôi nhà chung của nhiều loại thực vật và động vật. Nguồn lợi kinh tế... - Nêu được hiện trạng.... - Đưa ra một số biện pháp bảo vệ rừng. - Khẳng định lại tầm quan trọng ảnh hưởng của thiên nhiên đối với đời sống con người. - Liên hệ bản thân.	2,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	1,0
		e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,5 0,25 0,25 0,5
			0,25

uigeli.xyz ĐỀ 5	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 –2024 Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)
---------------------------	---

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

TỰ TRÀO

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,

Chẳng gầy chẳng béo, chỉ làng nhàng.

Cờ đương dở cuộc không còn nước⁽¹⁾,

1(1) *Không còn nước*: bí không có nước đi khi đánh cờ.

Bạc chữa trâu canh đã chạy làng⁽²⁾.

Mở miệng nói ra gàn bát sách⁽³⁾,

Mềm môi chén mãi tít cung thang⁽⁴⁾.

Nghĩ mình lại góm cho mình nhĩ,

Thế cũng bia xanh, cũng bảng vàng!

(Nguyễn Khuyến)

Dẫn theo <https://www.thivien.net>

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:

Câu 1. Bài thơ được gieo vần gì?

- A. Vần lưng
- B. Vần chân
- C. Vần liền
- D. Vần cách

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?

- A. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “mình”
- B. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “tôi”
- C. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng
- D. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp

Câu 3. Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào?

- A. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối)
- B. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)
- C. Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc bốn phần (mỗi phần 2 câu)
- D. Ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối) hoặc ba phần (2 câu đầu, 2 câu tiếp và 4 câu cuối)

Câu 4. Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

- A. 1 – 2 và 3 – 4
- B. 3 – 4 và 5 – 6
- C. 5 – 6 và 7 – 8
- D. 1 – 2 và 7 – 8

Câu 5. “Tự trào” có nghĩa là gì?

- A. Tự kể về mình
- B. Tự viết về mình

2(2) *Chạy làng*: đánh bạc nửa chừng, bỏ không chơi nữa.

3(3) *Gàn bát sách*: thành ngữ chỉ suy nghĩ, hành động trái lẽ thường, khiến mọi người khó chịu (“bát sách” là tên một quân bài tổ tôm).

4(4) *Tít cung thang*: trạng thái say sưa cao độ (“thang” là tên quân bài tổ tôm, đối với quân “bát sách” ở câu trên)

C. Tự nói về mình

D. Tự cười mình

Câu 6. Trong bài thơ trên, nhân vật trữ tình “tự trào” điều gì?

A. Cái nghèo của mình

B. Cái dốt nát của mình

C. Cái vô tích sự của mình

D. Cái khôn ngoan của mình

Câu 7. Nhận định nào nói đầy đủ và chính xác nhất những điều cụ thể mà nhân vật trữ tình “tự trào”?

A. Không có gì nổi bật, không có trình độ, không được mọi người yêu quý, có những thói quen xấu

B. Không thích nghi được với thời cuộc, gàn dở, không được mọi người ưa thích, không có tài năng

C. Có những thói quen xấu, không thích nghi được với thời cuộc, không có trình độ, không có lòng tự trọng

D. Không có gì nổi bật, không thích nghi được với thời cuộc, có những thói quen xấu, không phát huy được khả năng

Câu 8. “Tự trào” cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?

A. Lòng yêu nước

B. Sự hiếu học

C. Lòng tự trọng

D. Tính hài hước

Câu 9. Vì sao nói tiếng cười của Nguyễn Khuyến trong bài thơ là tiếng cười của lương tâm, của ý thức liêm sỉ, thâm thúy và thấm đẫm nước mắt? Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

Câu 10. Anh / chị có khi nào “tự trào” không? Hãy lí giải cụ thể. Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Theo anh / chị, mỗi người chúng ta có cần phải biết “tự trào” không? Vì sao? Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề này.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: NGỮ VĂN

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Đáp án: 1 – B, 2 – A, 3 – B, 4 – B, 5 – D, 6 – C, 7 – D, 8 – C.

Câu 9. HS nêu suy nghĩ của cá nhân, viết đúng dung lượng.

Cần thấy được Nguyễn Khuyến vốn là một người thành công trên con đường học vấn nhưng nhà thơ luôn cảm thấy băn khoăn, day dứt vì mình không làm được điều gì có ích cho dân, cho nước. Điều duy nhất mà ông có thể làm là tỏ thái độ bất hợp tác, lui về quê ở ẩn nhằm giữ gìn danh tiết, nhân cách và cũng để quên đi những dằn vặt, đốn đau. Do đó, viết về mình, ông thường cười cái danh vọng và sự vô tích sự của mình. Đó là cái cười của con người có lương tâm, có ý thức liêm sỉ (bản tính trong sạch, biết tránh không làm những việc khiến mình phải xấu hổ), thâm thúy và thấm đẫm nước mắt bởi chua xót và bất lực.

Câu 10. HS trả lời theo suy nghĩ của cá nhân, có lí giải hợp lí, viết đúng dung lượng.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

*** Yêu cầu chung:** HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận xã hội. Bài viết phải có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

*** Yêu cầu cụ thể:**

Bài viết cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Có bố cục 3 phần đầy đủ, rõ ràng. (0,5 điểm)
- Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận (mỗi người cần biết “tự trào”). (0,25 điểm)
- Thân bài:
 - + Giải thích “tự trào” và các biểu hiện của “tự trào”. (1,0 điểm)
 - + Bàn luận: cần hay không cần biết “tự trào” và có lí giải hợp lí; có ví dụ minh hoạ. (1,5 điểm)
 - + Liên hệ bản thân và rút ra bài học về nhận thức và hành động. (0,5 điểm)
- Kết bài: Khẳng định lại vấn đề đã bàn luận. (0,25 điểm)
- Diễn đạt độc đáo và sáng tạo (dùng từ, đặt câu). (0,5 điểm)
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. (0,5 điểm)

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)**Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:****CHIỀU HỒM NHỚ NHÀ**

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
 Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn.
 Góc mái, ngư ông về viễn phố,
 Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.
 Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
 Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
 Kẻ chốn trang đài^[1], người lữ thứ,
 Lấy ai mà kẻ nỗi hân ôn?

(Bà Huyện Thanh Quan

Dẫn theo SGK Văn 8 NXBGD)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:**Câu 1:** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
- B. Thất ngôn bát cú Đường luật
- C. Ngũ ngôn
- D. Lục bát

Câu 2: Bài thơ được gieo vần gì?

- A. Vần lưng
- B. Vần chân
- C. Vần liền
- D. Vần cách

Câu 3: Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ là gì?

- A. Vui mừng, phấn khởi

- B. Xót xa, sầu tủi
- C. Buồn, ngậm ngùi
- D. Cả ba phương án trên

Câu 4: Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính?

- A. Nghị luận kết hợp biểu cảm
- B. Biểu cảm kết hợp tự sự
- C. Miêu tả kết hợp tự sự
- D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

Câu 5: Nội dung của bài thơ là gì?

- A. Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.
- B. Tâm trạng hân hoan, vui sướng khi nhớ về quê nhà
- C. Nhớ tiếc một thời vàng son của Thăng Long cũng là trở về cội nguồn của dân tộc, tự hào về sức sống và nền văn hiến Đại Việt
- D. Hoài niệm về những tàn dư thừa trước

Câu 6: Nhận định nào sau đây đúng nhất về thơ của Bà Huyện Thanh Quan?

- A. Trang nhã, đậm chất bác học và thâm đắm niềm hoài cổ.
- B. Trẻ trung, mạnh mẽ đầy hơi thở dân gian.
- C. Ngôn ngữ bình dị, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày.
- D. Trang nhã, đậm chất bác học.

Câu 7: Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà*?

- A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình
- B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả
- C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ
- D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị, hình ảnh gợi cảm, giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc

Câu 8: Căn cứ vào nội dung bài thơ cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?

- A. Lòng tự trọng
- B. Yêu nhà, yêu quê hương
- C. Sự hoài cổ
- D. Cả ba ý trên

Câu 9: Việc sử dụng nhiều từ Hán Việt mang lại giá trị lớn cho bài thơ. Hãy phân tích điều đó qua đoạn văn (5 – 7 dòng).

Câu 10: Từ nội dung của bài thơ, em hãy nêu rõ vai trò của quê hương đối với mỗi người. (Trả lời khoảng 5-7 dòng)

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Theo anh/ chị lòng biết ơn trong cuộc sống có cần thiết không ? Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề này.

..... **Hết**

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm																
I		ĐỌC HIỂU	5,0																
ĐỌC HIỂU	1-8	<table><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr><tr><td>B</td><td>B</td><td>C</td><td>D</td><td>A</td><td>A</td><td>C</td><td>B</td></tr></table>	1	2	3	4	5	6	7	8	B	B	C	D	A	A	C	B	2
		1	2	3	4	5	6	7	8										
		B	B	C	D	A	A	C	B										
Hướng dẫn chấm:																			
Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm																			
	9	<p>Giá trị của việc sử dụng từ Hán Việt trong bài thơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Yếu tố từ Hán Việt trong hai bài thơ đã thực sự mang lại cho người đọc một sự cảm nhận tinh tế về tình cảm, nỗi niềm, tài năng và nhân cách của bà Huyện Thanh Quan.- Điều đáng nói ở đây không phải là sự xuất hiện nhiều từ Hán Việt trong bài thơ một cách điều luyện đã làm nên giá trị nghệ thuật đích thực cho toàn thi phẩm, gợi cho thi phẩm vẻ đẹp của sự tao nhã, đài các, thanh cao. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh trả lời như Đáp án hay 2 ý: 1,5 điểm.- Học sinh trả lời 01 ý: cho 0,75 điểm.	1,5																
	10	<ul style="list-style-type: none">- Quê hương chính là nơi chôn nhau cắt rốn của ta, là nơi nuôi ta lớn lên với biết bao kỉ niệm chẳng thể phai nhòa.- Quê hương dạy ta biết lớn khôn và trưởng thành dần từ những ngây thơ, vụng dại của ngày bé. Quê hương cho ta những năm tháng tuổi thơ tuyệt vời mà suốt hành trình trưởng thành ta không bao giờ tìm lại được.- Quê hương ấy, những con người quen thuộc ấy sẽ theo dấu chân ta trên suốt quãng đời của mình và rồi trở thành dòng suối mát lành tắm mát và gột rửa tâm hồn ta trước những	1,5																

		<p>muộn phiền, lo toan của cuộc sống.</p> <p>...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như Đáp án hay 3 ý: 1,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời 02 ý: cho 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời 01 ý: cho 0,5 điểm.</p>	
II		VIẾT	5,0
	2	<p>Theo anh/ chị lòng biết ơn trong cuộc sống có cần thiết không ? Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề này.</p> <p>* Yêu cầu chung: HS kết hợp được kiến thức và kỹ năng để viết bài văn nghị luận xã hội. Bài viết phải có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.</p> <p>* Yêu cầu cụ thể:</p> <p>Bài viết cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bố cục 3 phần đầy đủ, rõ ràng. - Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận (sự cần thiết phải có lòng biết ơn). - Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích lòng biết ơn + Sự cần thiết phải có lòng biết ơn trong cuộc sống <ul style="list-style-type: none"> . Lòng biết ơn là đạo lí, là lẽ sống, là truyền thống quý báu của dân tộc. . Lòng biết ơn là một tình cảm thiêng liêng, là cơ sở của những hành động đẹp . Lòng biết ơn chính là nền tảng, là tiền đề để xây dựng một xã hội tốt đẹp. . Mọi thứ không tự nhiên mà có, tất cả những gì chúng ta được hưởng thụ đều phải đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt, xương máu, thậm chí là tính mạng con người. Bởi thế chúng ta cần biết ơn đến những người đã đem đến cho chúng ta cuộc sống trọn vẹn như ngày hôm nay. + Dẫn chứng - Kết bài - Khẳng định ý nghĩa của lòng biết ơn - Bài học 	

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**Đọc văn bản:**

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa,
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,
Ai biết tình ai có đậm đà?

(Hàn Mặc Tử, “Đây thôn Vĩ Dạ”, SGK Ngữ văn 11, tập 1, NXBGD, 2006, tr.38-39)

Lựa chọn đáp án đúng:**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể thơ gì?

- A. Lục bát
- B. Song thất lục bát
- C. Bảy chữ
- D. Năm chữ

Câu 2. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ là

- A. hành chính
- B. sinh hoạt
- C. khoa học
- D. nghệ thuật

Câu 3. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

- A. tự sự
- B. nghị luận
- C. biểu cảm
- D. thuyết minh

Câu 4. Cảm xúc chủ đạo toát ra từ bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong khổ cuối bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử *không phải* là sắc thái nào sau đây?

- A. Khát khao, vô vọng.

- B. Tuyệt vọng.
- C. Nhớ thương, vô vọng.
- D. Hoài nghi.

Câu 5. Nội dung chính của văn bản trên là

- A. bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ.
- B. bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của nhà thơ.
- C. lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt của nhà thơ.
- D. nỗi lòng đầy uẩn khúc của nhà thơ.

Câu 6. Từ "kịp" trong hai dòng thơ: "*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó - Có chở trăng về kịp tối nay?*" gợi lên điều gì rõ nét nhất đang ẩn chứa trong tâm tư tác giả?

- A. Một lời khẩn cầu, hi vọng được gặp lại người thương.
- B. Một nỗi buồn nhớ xa xăm đối với người thương.
- C. Một niềm khao khát, một thúc bách chạy đua với thời gian.
- D. Một niềm mong ngóng, trông đợi đối với người thương.

Câu 7. Việc lấy lại 2 lần từ “*nắng*” và sử dụng liên tiếp các bổ ngữ (*nắng hàng cau, nắng mới*) trên một dòng thơ đã góp phần làm cho:

- A. Cảnh bình minh thêm đẹp
- B. Tăng lên gấp bội cảm giác bừng sáng tươi mới, chan hòa của nắng
- C. Không gian thêm rực rỡ
- D. Không gian như mở rộng đến vô cùng vô tận

Trả lời câu hỏi/ thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Anh/ chị hiểu như thế nào về câu thơ “*Gió theo lối gió mây đường mây*”?

Câu 9. Nhận xét về tình cảm của nhà thơ với mảnh đất và con người thôn Vĩ qua khổ thơ đầu.

Câu 10. Ấn tượng của anh /chị về bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ ả được bổ làm tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mẫu đơn, đến kỳ hoa nở thì người các nơi đến xem đông rộ n rịp, thành một đám hội xem hoa tưng bừng lắm. Tháng Hai năm Bính Tý (niên hiệu Quang Thái thứ chín (1396) đời nhà Trần), người ta thấy có cô con gái, tuổi độ mười sáu, phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khúc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tặng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ỏn cả lại thường bị quan trên quở trách rằng:

- Thân phụ thầy làm đến đại thần mà thầy không làm nổi một chức tri huyện hay sao!

Từ than rằng:

- Ta không thể vì số lương năm đầu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh. Ấu là một mái chèo về, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bèn cỡi trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, nhân làm nhà tại đây để ở. Thường dùng một thằng nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh, hễ gặp chỗ nào thích ý thì hí hứng ngả rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kì như núi Chích Trạo, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh.

(Trích “Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên”, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.112-113)

Thực hiện yêu cầu:

Anh/ chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày cảm nhận về tâm hồn của Từ Thức và nêu ý kiến về hành động từ quan của nhân vật này.

----- HẾT -----

(Giám thị coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	Câu thơ “ <i>Gió theo lối gió mây đường mây</i> ” có nghĩa là: Thể hiện nỗi xót xa, sự chia lìa, ngăn cách,... trong lòng nhà thơ. Hàn Mặc Tử cảm nhận thiên nhiên qua tâm trạng của chính ông. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm	0,5

		<p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm</p> <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	
	9	<p>Nhận xét về tình cảm của nhà thơ với mảnh đất và con người thôn Vĩ qua khổ thơ đầu:</p> <p>+ Nhà thơ đã thể hiện tình yêu tha thiết đối với mảnh đất và người xứ Huế.</p> <p>+ Nhà thơ đã gắn bó sâu sắc đối với mảnh đất và người xứ Huế.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm</p> <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	1,0
	10	<p>Ấn tượng về bài thơ <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i>:</p> <p>Học sinh có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí giải hợp lí, thuyết phục.</p> <p>- Một vài gợi ý về câu trả lời:</p> <p>+ Ấn tượng về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.</p> <p>+ Ấn tượng sâu sắc về mỗi khổ thơ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương với một ý đã gợi trong đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 - 0,75 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm</p> <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	1,0
II		VIẾT	4,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:	0,25

		<i>Tâm hồn của nhân vật Từ Thức và nêu ý kiến về hành động từ quan của nhân vật này.</i>	
		<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một số gợi ý cần hướng tới:</p> <p>Tâm hồn nhân vật Từ Thức: Giàu lòng nhân ái; lãng mạn, bay bổng; say mê vẻ đẹp thiên nhiên; ham thích tiêu dao, du ngoạn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm - 1,25 điểm - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm - Hoàn toàn không giống đáp án: 0,0 điểm - HS bày tỏ ý kiến của bản thân về hành động từ quan của nhân vật Từ Thức: tích cực/tiêu cực/vừa tích cực vừa tiêu cực. (0.25 điểm) - Trình bày lí lẽ thuyết phục. (0,25 điểm) 	2,0
		<p>- <i>Đánh giá chung</i></p> <p>+ Nhân vật Từ Thức điển hình cho lối sống không màng danh lợi, “lánh đục về trong” của tầng lớp Nho sĩ thời phong kiến.</p> <p>+ Hành động từ quan của Từ Thức đặt ra nhiều lối ứng xử trước thời cuộc, nhiều luồng ý kiến trái chiều trong cả xã hội xưa và nay.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm 	0,5
		<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp</p>	0,5
		<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
I + II			10

Phần I: Đọc – hiểu (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:

ĐÒ LÈN

Nguyễn Duy

*Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá
núi vấy bà đi chợ Bình Lâm
bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật
và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần*

*Thuở nhỏ tôi lên chơi đèn Cây Thị
chân đất đi đêm xem lễ đền Sòng
mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm
điệu hát văn lảo đảo bóng cô đồng*

*Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan
bà đi gánh chè xanh Ba Trại
Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn*

*Tôi trong suốt giữa hai bờ hư - thực
giữa bà tôi và tiên Phật, thánh thần
cái năm đói củ dong riềng luộc sượng
cứ nghe thơm mùi huệ trắng hương trầm*

*Bom Mỹ dội, nhà bà tôi bay mất
đền Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền
thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết
bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn*

*Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại
dòng sông xưa vẫn bên lở bên bồi
khi tôi biết thương bà thì đã muộn
bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi!*

(Đò Lèn, Nguyễn Duy - Trích tập thơ *Ánh trắng* – NXB Tác phẩm mới - 11/1984)

Lựa chọn đáp án đúng:

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 7

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ 5 chữ
- B. Thể thơ 6 chữ
- C. Thể thơ 7 chữ
- D. Thể thơ tự do

Câu 2. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong các câu thơ sau?

*Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan
bà đi gánh chè xanh Ba Trại
Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn*

- A. So sánh
- B. Nhân hoá
- C. Liệt kê
- D. Ẩn dụ

Câu 3. Từ ngữ nào không thể hiện sự lam lũ, vất vả của người bà trong bài thơ?

- A. Mò cua, xúc tép
- B. Gánh chè xanh
- C. Đi bán trứng
- D. Chân đất đi đêm

Câu 4. Tâm sự nuối tiếc, hối hận của tác giả khi nghĩ về người bà được thể hiện rõ nhất qua khổ thơ nào?

- A. Khổ 1
- B. Khổ 3
- C. Khổ 4
- D. Khổ 6

Câu 5. Hình ảnh người bà qua kí ức của tác giả trong bài thơ là người như thế nào?

- A. Lam lũ, tần tảo, hiền lành, đôn hậu, giàu đức hi sinh
- B. Lam lũ, tần tảo, hiền lành, đôn hậu, giàu lòng thương người
- C. Vui vẻ, vô tư, hiền lành, đôn hậu, giàu đức hi sinh
- D. Lam lũ, tần tảo, hiền lành, đôn hậu.

Câu 6. Ý nào sau đây không thể hiện tình cảm của người cháu khi nghĩ về bà?

- A. Thấu hiểu nỗi cơ cực, tần tảo, tình yêu thương của bà
- B. Yêu thương, tôn kính, tri ân sâu sắc đối với bà
- C. Sự ân hận, ngậm ngùi, đau xót muộn màng
- D. Vô tư, hồn nhiên, trong sáng

Câu 7. Nhan đề của bài thơ có ý nghĩa là

- A. một địa danh.
- B. một bến đò.
- C. một biểu tượng nghệ thuật.

D. một dòng sông.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Anh/ chị hiểu như thế nào về hai câu thơ sau:

*khi tôi biết thương bà thì đã muộn
bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi!*

Câu 9. Anh/chị rút ra được thông điệp gì cho bản thân thông qua bài thơ ?

Câu 10. Ấn tượng của anh /chị về bài thơ *Đò lên* ?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

*Mỗi lần nắng mới hắt bên sông
Xao xác gà trưa gáy náo nùng;
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng.
Chập chờn sống lại những ngày không.*

*Tôi nhớ Mẹ tôi thuở thiếu thời,
Lúc Người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ Người đưa trước giậu phơi.*

*Hình dáng Mẹ tôi chưa xóa mờ
Hãy còn muờng tượng lúc vào ra
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa.*
(*Nắng mới* – Trích Tập thơ *Tiếng thu* -1939, Lưu Trọng Lư)

Thực hiện yêu cầu:

Anh/ chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày cảm nhận về hình ảnh của người mẹ trong bài thơ trên.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	C	0,5
	3	D	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5

	6	D	0,5
	7	C	0,5
	8	<p>Hiểu về hai câu thơ</p> <p><i>“khi tôi biết thương bà thì đã muộn bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi!”?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tình yêu thương của tác giả đối với người bà - Thể hiện tâm trạng nuối tiếc, hối hận muộn màng vì sự hồn nhiên, khờ dại của mình, đã không thấu hiểu nỗi vất vả của bà, khi biết thương bà thì đã quá muộn. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	0,5
	9	<p>Câu 9. Thông điệp rút ra cho bản thân thông qua bài thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải biết yêu thương, quan tâm tử tế đối với người thân. - Biết nâng niu, trân quý tình cảm gia đình, truyền thống, cội nguồn. - Sống phải biết ăn năn và cảnh tỉnh sau những lỗi lầm của mình. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	1,0
	10	<p>Ấn tượng của anh /chị về bài thơ <i>Đò lèn</i></p> <p>Học sinh có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí giải hợp lí, thuyết phục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một vài gợi ý về câu trả lời: +Ấn tượng về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ. +Ấn tượng sâu sắc về mỗi khổ thơ. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Học sinh trả lời tương đương với một ý đã gợi trong đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 - 0,75 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 	1,0

		điểm <i>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</i>	
II		VIẾT	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận về hình ảnh của người mẹ trong bài thơ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:	2.0
		<p>* Về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ trải dài theo mạch cảm xúc, kết cấu đan xen giữa quá khứ và hiện tại như một hồi ức về người mẹ thân yêu của nhà thơ. - Qua hồi ức của nhà thơ, hình ảnh của người mẹ chỉ còn là chút kỷ niệm nhạt nhòa đọng lại trong tâm hồn non nớt, thơ ngây của đứa trẻ lên mười: <ul style="list-style-type: none"> + Đó là khi mẹ thường mang áo ra phơi để áo thơm mùi nắng sau những ngày đông rét mướt. + Hình ảnh người mẹ chưa hiện lên trực tiếp mà chỉ thấp thoáng, lung linh sau màu áo đỏ, sau lưng giậu. Đó có lẽ cũng là hình ảnh đẹp đẽ nhất, triu mến thương yêu nhất mà nhà thơ còn lưu giữ, khắc sâu trong tâm trí. - Hình ảnh <i>nét cười đen nhánh sau tay áo</i> gợi hình ảnh người mẹ vừa lấp lánh tỏa sáng, vừa e ấp, kín đáo trong nụ cười tươi tắn, hiền hậu, mang nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam xưa. <p>* Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ bảy chữ. - Từ ngữ giản dị, mang màu sắc của làng quê bắc bộ. - Ngắt nhịp linh hoạt, nhịp nhàng, phù hợp với tâm trạng của chủ thể trữ tình. - Cách gieo vần độc đáo: vần chân liền và vần chân cách tạo nhạc tính cho bài thơ. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm. 	

		- <i>Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.</i>	
		<p>* Đánh giá chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh người mẹ trong bài thơ mang nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam xưa. - Đó cũng chính là những dòng hồi tưởng đẹp, đầy xúc động về mẹ, qua đó thể hiện tình yêu mẹ của tác giả <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Trình bày tương đương như đáp án hoặc đúng 2 ý: 0,5 điểm.</i> - <i>Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.</i> 	0.5
		<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0.5
		<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0.5
I+II			10

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**Đọc văn bản:*****Xuân về***

Nguyễn Bính

*Đã thấy xuân về với gió đông,
 Với trên màu má gái chưa chồng.
 Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
 Ngược mắt nhìn giời, đôi mắt trong.*

*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
 Mưa tạnh trời quang, nắng mới hoe.
 Lá nốn, nhành non ai trắng bạc?
 Gió về từng trận, gió bay đi...*

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
 Lúa thì con gái mượt như nhung
 Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,*

Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trảy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Lần lần tràng hạt niệm nam vô.*

(Trích từ *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh, NXB Văn học, 1997, tr.351)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

- A. nghị luận.
- B. tự sự.
- C. miêu tả.
- D. biểu cảm.

Câu 3. Xác định thể thơ của văn bản trên.

- A. Tự do.
- B. Thất ngôn.
- C. Thơ mới.
- D. Bảy chữ.

Câu 4. Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ:
“*Lúa thì con gái mượt như nhung*”.

- A. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.
- B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.
- C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.
- D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa .

Câu 5. Cảm xúc của tác giả trong câu thơ: “*Lá nỡn, nhành non ai tráng bạc?*” là:

- A. bồi hồi, xúc động.
- B. buồn thương, nuối tiếc.
- C. lưu luyến, vẩn vơ.
- D. ngỡ ngàng, vui sướng.

Câu 6. Ý nào khái quát nội dung chính của văn bản?

- A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.
- B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.
- C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.
- D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

Câu 7. Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “*Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong*”.

- A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.
- B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.
- C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.
- D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Giá trị biểu cảm của từ láy “*xun xoe*” trong câu thơ “*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe*”.

Câu 9. Nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:

*“Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trắng hội chùa.”*

Câu 10. Anh/Chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Bài học đầu cho con

*Quê hương là gì hở mẹ
Mà cô giáo dạy phải yêu
Quê hương là gì hở mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều*

Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay

Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông

Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng che
Là hương hoa đồng cỏ nội
Bay trong giấc ngủ đêm hè

Quê hương là vàng hoa bí
Là hồng tím giậu mỏng tươi
Là đỏ đôi bờ dâm bụi
Màu hoa sen trắng tinh khôi

Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ...

Đỗ Trung Quân

Thực hiện yêu cầu:

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày cảm nhận về tình yêu quê hương của tác giả.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5

3	D		0,5
4	A		0,5
5	D		0,5
6	A		0,5
7	D		0,5
8	<p>Giá trị biểu cảm của từ láy “xun xoe” trong câu thơ “Từng đàn con trẻ chạy xun xoe”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tâm trạng nô nức, háo hức... - Niềm vui sướng của con trẻ khi xuân về <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>		0,5
9	<p>Nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:</p> <p style="text-align: center;">“Trên đường cát mịn, một đôi cô, Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang phục truyền thống - Lễ hội mùa xuân <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết</p>		1.0

		<i>phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</i>	
	10	<p>Gợi ý thông điệp tích cực rút ra từ văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Sống hòa hợp, gắn bó, yêu thiên nhiên</i> - <i>Trân trọng những giá trị của làng quê, hồn quê</i> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh trả lời tương đương 02 ý như đáp án: 1,0 điểm.</i> - <i>Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm.</i> - <i>Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</i> <p>* Lưu ý: <i>Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</i></p>	1.0
II		VIẾT	4,0
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i></p> <p>Tình yêu quê hương của tác giả trong bài thơ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.</i> - <i>Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.</i> 	0,25
		<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:</p>	2.0
		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tình yêu quê hương giản dị, mộc mạc, sâu lắng:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Quê hương là nơi gắn liền với kỉ niệm tuổi thơ</i> + <i>Quê hương gắn liền với những tình cảm ruột rà</i> - <i>Nghệ thuật: Điệp, câu hỏi tu từ, hình ảnh giàu sức gợi, nhịp điệu....</i> 	

	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chung: <ul style="list-style-type: none"> + Tình yêu quê hương là một tình cảm thiêng liêng, cao quý... + Vẻ đẹp nghệ thuật thơ Đỗ Trung Quân. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
I + II		10

Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**Đọc văn bản :****LÁ ĐỎ**

Gập em trên cao lộng gió

Rừng lạ ào ào lá đỏ

Em đứng bên đường như quê hương

Vai áo bạc quàng súng trường.

*Đoàn quân vẫn đi vội vã
Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa.*

*Chào em, em gái tiền phương
Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.*

Em vậy cười đôi mắt trong.

1974

(Trích từ Tuyển tập thơ Việt Nam giai đoạn chống Mỹ cứu nước, Nguyễn Đình Thi, NXB Hội nhà văn, 1999)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ 5 chữ
- B. Thể thơ 6 chữ
- C. Thể thơ 7 chữ
- D. Thể thơ tự do

Câu 2. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ: “*Em đứng bên đường như quê hương*”

- A. Nhân hóa
- B. So sánh
- C. Hoán dụ
- D. Ẩn dụ

Câu 3. Các hình ảnh miêu tả thiên nhiên: *đỉnh Trường Sơn lộng gió, rừng ào ào lá đỏ* khắc họa khung cảnh Trường Sơn như thế nào?

- A. Khoáng đạt, hùng vĩ
- B. Thơ mộng, trữ tình
- C. Khắc nghiệt, dữ dội
- D. Tráng lệ, kì vĩ

Câu 4. Nhân vật trữ tình trong văn bản là ai?

- A. Người lính Trường Sơn
- B. Nguyễn Đình Thi
- C. Em gái tiền phương
- D. Người lính Trường Sơn và em gái tiền phương

Câu 5. Hai câu sau gọi ra điều gì?

*Chào em, em gái tiền phương
Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn*

- A. Niềm tin và hi vọng vào ngày chiến thắng của người lính Trường Sơn
- B. Lời chào và lời ước hẹn của cô gái tiền phương và người lính Trường Sơn
- C. Lời chào và lời ước hẹn của người lính Trường Sơn với cô gái tiền phương
- D. Lời hẹn ước giữa hai nhân vật trữ tình

Câu 6. Cảm xúc của tác giả qua văn bản là

- A. niềm vui, tự hào và hy vọng vào tương lai của người lính Trường Sơn.
- B. niềm vui, lạc quan, tin tưởng, tự hào và hy vọng vào ngày mai chiến thắng.
- C. niềm vui sướng, hạnh phúc khi gặp lại người em gái tiền phương.
- D. niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến.

Câu 7. Không khí hành quân hào hùng thần tốc được thể hiện qua hình ảnh nào?

- A. Bụi Trường Sơn
- B. Đoàn lính Trường Sơn hành quân vội vã
- C. Đoàn quân đi vội vã, bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa
- D. Áo ào lá đỏ

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Trình bày ngắn gọn nội dung của văn bản.

Câu 9. Câu thơ “*Vai áo bạc quàng súng trường*” gọi lên vẻ đẹp gì của người con gái tiền phương?

Câu 10. Hình ảnh “*em gái tiền phương*” gọi lên cho anh/chị suy nghĩ gì về sự góp mặt của những người phụ nữ trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc?

Phần II. VIẾT (4,0 điểm)

Đọc đoạn thơ:

*Nếu là con chim, chiếc lá,
 Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh.
 Lẽ nào vay mà không có trả
 Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình?*

(Một khúc ca, Tố Hữu)

Thực hiện yêu cầu:

Anh/ chị nghĩ gì về quan niệm sống của Tố Hữu trong đoạn thơ trên? Hãy trả lời câu hỏi bằng cách viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ).

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	C	0,5
	8	Nội dung của văn bản: Khung cảnh cuộc hành quân hào hùng, thần tốc; vẻ đẹp của thiên nhiên rừng Trường Sơn; vẻ đẹp của người con gái trẻ trung, tươi tắn; niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến. <i>Hướng dẫn chấm:</i>	0,5

	<p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án hoặc đảm bảo từ 3 ý trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời đảm bảo được một nửa số ý: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	
9	<p>Gợi ý : gọi lên vẻ đẹp gần gũi, thân thương, vừa mộc mạc, táo tợn vừa kiên cường, rắn rỏi,... của người con gái tiền phương.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
10	<p>Gợi ý:</p> <p>- Hình ảnh những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thật đẹp và oai hùng.</p> <p>- Họ không tiếc tuổi xuân, không sợ nguy hiểm mà đã ra trận. Họ ra đi với tinh thần ” Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm.</p>	1.0

	<p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	
II	VIẾT	4,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <p>quan niệm sống của Tố Hữu qua đoạn thơ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.</p>	0,25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:</p>	2.0
	<p>- Quan niệm sống của Tố Hữu qua đoạn thơ:</p> <p>+ Sống không chỉ hưởng thụ, nhận về mà phải biết cho đi, cống hiến.</p> <p>+ Quan niệm sống đẹp không chỉ có giá trị nhân văn trong thời đại tác giả đang sống mà còn mãi đến muôn đời sau.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Phân tích đầy đủ, sâu sắc, dẫn chứng phù hợp, thuyết phục: 2,0 điểm.</p> <p>- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.</p> <p>- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.</p>	

	<p>Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan niệm sống tích cực, mang tính nhân văn. - Là kim chỉ nam cho thế hệ trẻ hình thành cho mình lối sống đẹp, sống có ích cho bản thân, gia đình, xã hội. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
I + II		10

uigeli.xyz ĐỀ 11	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 –2024 Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)
----------------------------	---

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

THU VỊNH

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.

Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,

Một tiếng trên không ngỗng nước nào?

Nhân húng cũng vừa toan cất bút,

Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

(Nguyễn Khuyến - Dẫn theo <https://www.thivien.net>)

*Ông Đào: Đào Tiềm (Đào Uyên Minh), một nhà thơ nổi tiếng ở Trung Quốc thời Lục Triều. Ông đỗ tiến sĩ, ra làm quan, rồi chán ghét cảnh quan trường thối nát đã treo ấn từ quan, lui về ẩn dật và có bài Qui khứ lai từ rất nổi tiếng.

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:

Câu 1. Bài thơ được gieo vần gì?

- A. Vần lưng
- B. Vần chân
- C. Vần liền
- D. Vần cách

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?

- A. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua từ “nhân”
- B. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “tôi”
- C. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng
- D. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp

Câu 3. Những từ ngữ : “*xanh ngắt, cao, lơ phơ, hắt hiu*” trong hai câu thơ đầu thuộc từ loại nào?

- A. Danh từ
- B. Tính từ
- C. Động từ
- D. Hư từ

Câu 4. Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

- A. 1- 2 và 3- 4
- B. 3- 4 và 5- 6
- C. 5- 6 và 7- 8
- D. 1- 2 và 7- 8

Câu 5. Hình ảnh mùa thu xuất hiện trong bài thơ có đặc điểm gì nổi bật?

- A. Ước lệ, cổ điển
- B. Mới lạ, độc đáo
- C. Giản dị, quen thuộc
- D. Hư ảo, mộng mơ

Câu 6. Nhận định nào nói đầy đủ và chính xác nhất đặc điểm của bức tranh mùa thu trong bài thơ ?

- A. Bức tranh mùa thu nơi làng quê với vẻ đẹp non tơ, mềm mại, tinh khôi
- B. Bức tranh mùa thu nơi miền sơn cước với vẻ ảm đạm, tiêu điều, xơ xác
- C. Bức tranh mùa thu chốn kinh kì với vẻ đẹp rực rỡ, náo nhiệt, tràn đầy sức sống
- D. Bức tranh mùa thu nơi làng quê với vẻ đẹp trong trẻo, thanh sơ, buồn lặng

Câu 7. “thẹn” có nghĩa là gì?

- A. Cảm thấy bấn khoăn
- B. Cảm thấy hồi hộp
- C. Cảm thấy xấu hổ
- D. Cảm thấy tự hào

Câu 8. Trong bài thơ trên, nhân vật trữ tình “thẹn” vì điều gì?

- A. Vì bản thân chưa có được công danh, sự nghiệp
- B. Vì bản thân chưa có được tài năng , đức độ như người xưa
- C. Vì bản thân chưa có được bản lĩnh, khí tiết như người xưa
- D. Vì bản thân chưa làm được gì cho dân, cho nước

Câu 9. Vì sao nói nỗi thẹn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ là nỗi thẹn của của một nhân cách lớn, một nhà thơ lớn? Trả lời trong khoảng 5- 7 dòng.

Câu 10. Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu gợi cho anh/ chị suy nghĩ gì về vai trò của thiên nhiên với cuộc sống của mỗi người . Trả lời trong khoảng 5- 7 dòng.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Theo anh/ chị, mỗi người chúng ta có cần phải biết “thẹn” không? Vì sao? Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của anh / chị về vấn đề này.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: NGỮ VĂN

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Đáp án: 1- B, 2- A, 3- B, 4- B, 5- C, 6- D, 7- C, 8- C.

Câu 9. HS nêu suy nghĩ của cá nhân, viết đúng dung lượng.(1,0 điểm)

Cần thấy được Nguyễn Khuyến vốn là một người thành công trên con đường học vấn nhưng nhà thơ luôn cảm thấy băn khoăn, day dứt vì mình không làm được điều gì có ích cho dân, cho nước. Điều duy nhất mà ông có thể làm là tỏ thái độ bất hợp tác, lui về quê ở ẩn nhằm giữ gìn danh tiết, nhân cách và cũng để quên đi những dằn vặt, đớn đau. Có gì mà Nguyễn Khuyến "thẹn", khi mà tính ra ông cũng chẳng thua kém ông Đào gì về học thức và tài năng. Câu trả lời ấy là Nguyễn Khuyến thấy hổ thẹn khi thua ở cái khí tiết của một bậc quân tử phải có, Đào Tiềm sẵn sàng từ quan khi chán ghét, cũng chẳng màng đến thế sự, cứ ung dung làm thơ, sống thanh tao ẩn dật. Còn Nguyễn Khuyến không có được thái độ dứt khoát như Đào Tiềm, khi từ quan rồi cũng chẳng thôi được cái mối day dứt vì hành động “chạy làng” của mình, ấy chính là căn nguyên của chữ "thẹn" nơi cuối bài. Nhưng cũng chính những câu thơ tỏ lòng như thế ta mới thấy được một nhân cách cao cả, một tấm lòng đầy tâm huyết của người quân tử, không trốn tránh sự thật mà sẵn sàng thừa nhận, để biết mà không thôi tự vấn, người như thế thật đáng trân trọng biết bao. Nỗi hổ thẹn cũng là cách kín đáo thể hiện niềm yêu nước, thương dân ẩn sâu trong tâm hồn của nhà thơ.

Câu 10. HS trả lời theo suy nghĩ của cá nhân, viết đúng dung lượng,(1,0 điểm), có thể theo hướng sau

Thiên nhiên mùa thu mang vẻ đẹp nguyên sơ, thanh thoát, tĩnh lặng gợi cho tâm hồn thi nhân những cảm nhận tinh tế, đắm say, tức cảnh sinh tình. Vẻ đẹp của bức tranh thu trong bài thơ gợi cho ta suy nghĩ về vai trò to lớn của thiên nhiên với cuộc sống của con người. Thiên nhiên ban tặng cho con người vẻ đẹp, đem lại cảm giác thư thái bình yên, là nơi làm tâm hồn ta lắng lại, thiên nhiên bảo vệ cuộc sống cho loài người. Mỗi chúng ta cần biết yêu thiên nhiên, trân trọng và bảo vệ thiên nhiên.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

* ***Yêu cầu chung:*** HS kết hợp được kiến thức và kỹ năng để viết bài nghị luận xã hội. Bài viết phải có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

* ***Yêu cầu cụ thể:***

Bài viết cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Có bố cục 3 phần đầy đủ, rõ ràng. (0,5 điểm)

- Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận (mỗi người cần biết “thẹn”). (0,25 điểm)

- Thân bài:

+ Giải thích “thẹn” và các biểu hiện của “thẹn”. (1,0 điểm)

++Thẹn: Bản thân tự cảm thấy xấu hổ, ngại ngùng vì đã làm điều không nên, không phải hay cảm thấy mình không xứng đáng.

++ Biểu hiện: Người biết thẹn thường có cảm giác xấu hổ trước sai lầm mình đã gây ra. Hoặc có thể thấy mình kém cỏi, tự ti trước thành quả mà người khác đạt được.

+ Bàn luận: Cần hay không cần phải biết “thẹn” và có lí giải hợp lí; có ví dụ minh họa. (1,5 điểm)

++ Khi biết hổ thẹn là chúng ta đã nhận thức được những sai lầm, thiếu sót của bản thân.

++Nếu nhận thức được những sai lầm của bản thân con người sẽ biết thay đổi, điều chỉnh hành vi của mình theo những chiều hướng tích cực. Từ đó, người ta sẽ không cho phép mình phạm phải sai lầm ấy lần nữa.

++ Biết nhìn lên, trông vào người khác mà soi thấy mình sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ để bản thân cố gắng vươn tới những giá trị tốt đẹp.

++ Biết thẹn còn là một biểu hiện của người có lòng tự trọng về phẩm giá, giá trị của bản thân.

– Biết “thẹn” không có nghĩa là thường trực cảm giác tự ti, mặc cảm thiếu tự tin về bản thân, đó là sự tự ý thức để hoàn thiện không phải là việc đánh giá thấp năng lực, khả năng của mình.

c. Bài học nhận thức và hành động

- Thấy được sự cần thiết của thái độ tự trọng cần có qua nỗi then .
- Nghiêm khắc đối với chính mình, không ngừng rèn luyện trau dồi đạo đức, nhân cách
- + Liên hệ bản thân và rút ra bài học về nhận thức và hành động. (0,5 điểm)
- Kết bài: Khẳng định lại vấn đề đã bàn luận. (0,25 điểm)
- Diễn đạt độc đáo và sáng tạo (dùng từ, đặt câu). (0,5 điểm)
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. (0,5 điểm)

uigeli.xyz ĐỀ 12	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 –2024 Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)
----------------------------	---

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

*Năm mươi người con theo cha xuống biển
Năm mươi người con theo mẹ lên rừng
Nhưng người con ngồi đúc trống đồng
Tiếng chim hót phổ vào giọng nói*

*Mẹ là tiếng đầu tiên trẻ gọi
Nghe dịu dàng âu yếm biết bao
Tiếng Việt ơi, tiếng Việt có từ đâu
Sau tiếng Mẹ là tiếng Yêu thánh thót
Tiếng Nước nghe như rơi từng giọt
Tiếng Đất nghe chắc nịch vững bền
Tiếng Com nghe ngạt ngào hương thơm
Người Giao Chỉ lắng nghe tiếng gió
Tiếng dòng sông rì rào sóng vỗ
Tiếng trời xanh lồng lộng mệnh mang
Tiếng xôn xao của nắng thu vàng
Tiếng dế đêm trăng thanh vơi vợi
Tiếng hổ gầm vang trong hốc núi
Tiếng mây bay vương vấn sắc trời
Tiếng sấm rền và tiếng mưa rơi
Tiếng nhịp đập trái tim thiếu nữ
Tiếng bập bùng nhen trong bếp lửa*

Những thanh âm tha thiết bồi hồi

Bật ra thành tiếng Việt trên môi...

(Trích *Tiếng Việt mến yêu*, Nguyễn Phan Hách)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Theo tác giả, *Tiếng Đất nghe như...* . Trong dấu “...” là gì?

- A. Chắc nịch
- B. Thánh thót
- C. Ngạt ngào
- D. Âu yếm

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ trong câu thơ: *Tiếng Nước nghe như rơi từng giọt.*

- A. Điệp từ.
- B. Nhân hoá.
- C. Ẩn dụ.
- D. Hoán dụ.

Câu 4. Cảm xúc được gợi lên qua 2 câu thơ sau là gì?

Mẹ là tiếng đầu tiên trẻ gọi

Nghe dịu dàng âu yếm biết bao

- A. Bối rối.
- B. Bồi hồi.
- C. Yêu thương.
- D. Lo lắng.

Câu 5. Hai câu thơ đầu trong đoạn trích được gợi từ truyện dân gian nào?

- A. Thánh Gióng.
- B. Con Rồng cháu Tiên.
- C. Bánh chưng bánh giầy.
- D. Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy.

Câu 6. Nguồn gốc của tiếng Việt trong đoạn trích xuất phát từ đâu?

- A. Tiếng mẹ đẻ.
- B. Tiếng của thiên nhiên.
- C. Âm thanh của muôn loài.
- D. Tiếng những thanh âm tha thiết của cuộc sống.

Câu 7. Đoạn trích đề cập đến đề tài nào dưới đây?

- A. Thiên nhiên.
- B. Đất nước.

C. Con người.

D. Tiếng Việt.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Hãy nêu tác dụng của phép điệp ngữ trong đoạn thơ sau:

*Người Giao Chỉ lắng nghe tiếng gió
Tiếng dòng sông rì rào sóng vỗ
Tiếng trời xanh lồng lộng mênh mang
Tiếng xôn xao của nắng thu vàng.*

Câu 9. Nhận xét về giọng điệu của đoạn trích.

Câu 10. Trách nhiệm của Anh/ Chị trong việc giữ gìn tiếng Việt.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc truyện ngắn:

MÁY TRẮNG CÒN BAY – Bảo Ninh

Máy bay cất cánh trong mưa. Tiếng còi bánh xe gấp lại có vẻ mạnh hơn bình thường dội độ rung vào thân máy bay. Tôi tiếc là đã không nghe lời vợ. Đáng lý nên trả vé, dừng theo chuyến này. Ngày xấu, giờ xấu, thời tiết xấu.

Máy bay hẫng một cái như hụt bước. Tay vận complet ngồi bên cạnh tôi mặt nhợt đi, mắt nhắm nghiền, cặp môi run run. Tôi bấu chặt các ngón tay vào thành ghế. Con người tôi bé tí hìn treo trên vực sâu đang càng lúc càng sâu thẳm.

- Mây ngay ngoài, các bác kìa! - bà cụ ngồi ở ghế trong cùng, kề cửa sổ, thốt kêu lên.

Chiếc TU đã lấy được độ cao cần thiết, bắt đầu bay bằng. Hàng chữ điện “Cài thắt lưng an toàn” đã được tắt đi. Nhưng ngoài cửa sổ vẫn cuộn cuộn mây.

- Mây cận quá, bác nhỉ, với tay ra là với được - Bà cụ nói - Y thế cây lá ngoài vườn.

Tay vận complet nhấc mi mắt lên. Môi y mím chặt, vẻ căng thẳng đôi thành quàu quau.

- Vậy mà sao nhiều người họ kháo là tàu bay trời cao được hơn mây bác nhỉ? Tay nọ làm thinh.

- Chả biết đâu trời đâu đất thế này biết lối nào mà về bến, thưa các bác?

Không được trả lời, bà cụ chẳng dám hỏi han gì thêm. Bà ngồi im, ôm chặt trong lòng một chiếc làn mây. Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của bà như chìm lấp vào thân ghế. Khi cô tiếp viên đẩy xe đưa bữa điểm tâm đến, bà không muốn nhận khay đồ ăn. Bà bảo cơm nước lạ kiểu chẳng đưa bát gì chẳng quen, mấy lại đã ăn no bụng hơi sớm, mấy lại cũng thực tình là già chẳng có lăm tiền. Cô gái ân cần giải thích để bà cụ yên tâm rằng giá của suất ăn này đã được tính gộp trong tiền vé.

- Thảo nào hai lượt tàu bay những triệu bạc - bà cụ nói - Vậy mà lúc biểu già tẩm vé các chú không quên cùng đơn vị với con trai già ngày nọ bảo là tốn có

trăm ngàn. Các chú ấy cho già thì có, chứ còn tính ở quê đừng nói triệu với trăm ngàn, ngàn với trăm cũng khó.

Bà cụ hạ chiếc bàn gấp xuống song không bày bữa ăn lên đấy. Tất cả các thứ hộp thứ gói trên khay bà dồn hết vào chiếc làn mây. Bà chẳng ăn chút gì. Lúc người ta mang đồ uống đến, bà cũng chỉ xin một cốc nước lọc. Bà hỏi cô tiếp viên:

- Đã sắp đến sông Bến Hải chưa con?

- Dạ thưa - Cô gái nhìn đồng hồ đeo tay - Còn chừng dăm phút nữa ạ. Nhưng thưa cụ vì chúng ta bay trên biển nên không ngang qua sông mà sẽ chỉ ngang qua vùng trời vĩ tuyến

17.

- Lát qua đây con bật đèn già cái cửa tròn này con nhé, cho thoáng.

- Ấy chết, mở thế nào được ạ. Cô gái bật cười.

Ngoài cửa sổ nắng loé lên, cánh máy bay lấp lánh, nhưng chỉ trong chốc lát. Trên rất cao này, trời vẫn còn mây. Người tôi nôn nao như ngồi trên đu quay. Chưa chuyến nào thấy mệt như chuyến này. Có lẽ vì con bão đang hoành hành ở miền trung nên không trung đầy rẫy ổ gà. Máy bay chòng chành, dỗi lắc, bên thân và dưới sàn khe khẽ phát ra những tiếng rã rạc như sắp rạn.

Tay vận complet xoè diêm châm thuốc. Là dân nghiện nhưng lúc này tôi thấy gai với khói. Lẽ ra y nên xuống phía dưới mà thả khói chứ chẳng nên phốt lò hàng chữ “không hút thuốc” sáng nay trước mũi y như vậy, tôi sẽ uể oải thâm nghĩ, đập tờ báo lên mặt và nhắm mắt lại.

Giác ngủ thiu thiu chậm chậm trườn tới.

- Làm cái gì vậy? Hả! Cái bà già này!

Tôi giật bản mình. Tôi bị giằng khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khẽ thôi, đủ nghe. Nhưng âm hưởng của nỗi hoảng hốt và sự cục cằn trong giọng y như tát vào mặt người ta. Thận trọng, tôi liếc nhìn. Khói thuốc và cặp vai to đùng của y che khuất cả bà cụ già, cả ô cửa sổ.

- Này, cô kia, cô nhân viên! - Y sang trọng đứng dậy mắng - Tới mà nhìn! Đây là hàng không hay là cái xô bếp? Là phi cơ hay là cái miếu thờ thế này, hả?

- Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thằng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất.

Tay nọ gằn như bước xéo lên đùi tôi, xấn ra lối đi. Bộ mặt hồng hào bùng bùng giận dữ và khinh miệt.

Bà cụ ngồi, lặng phất, lưng còng xuống, hai bàn tay chấp lại, gầy guộc. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây

nhang cắm trong chiếc cốc thủy tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bàn tay để dựng vào thành cốc.

Cô tiếp viên vội đi tới. Cô đứng sững bên cạnh tôi. Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô lặng nhìn.

Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ nhỏ bé bóng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoay người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.

Khói nhang nhả nhẹ nhẹ, bốc lên dịu dịu, mờ mỏng trong bầu không khí lạnh lạnh của khoang máy bay. Những cây nhang trên trời thả tỏa hương thơm ngát. Ngoài cửa sổ đại dương khí quyển ngời sáng.

Thực hiện yêu cầu:

Nhan đề phản ánh khía cạnh nội dung nào của tác phẩm? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ).

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	Tác dụng của phép điệp ngữ trong đoạn thơ: <ul style="list-style-type: none"> - Tạo nhịp điệu, gợi sự sinh động, tăng giá trị biểu cảm cho đoạn thơ. - Thể hiện sự đa dạng, phong phú của tiếng Việt. + Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm. + Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm. + Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	9	Nhận xét về giọng điệu của đoạn trích: Giọng điệu: ngọt ngào, tha thiết – rất phù hợp cho việc thể hiện cảm xúc: sự trân trọng, yêu quý của tác giả dành cho tiếng Việt. Hướng dẫn chấm:	1.0

	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	
10	<p>Trách nhiệm của Anh/ Chị trong việc giữ gìn tiếng Việt:</p> <p>Mỗi người phải tự hào, trân trọng; gìn giữ và phát huy sự trong sáng của tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương 01 ý như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
II	VIẾT	4,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <p>Mối quan hệ giữa nhan đề và khía cạnh nội dung của truyện <i>Mây trắng còn bay</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm. 	0,25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:</p>	2.0
	<ul style="list-style-type: none"> - “<i>Mây trắng còn bay</i>” tạo nên không gian bông bênh, hư ảo; gợi sự thanh thản, bình yên, sự chảy trôi của cuộc đời, của quá khứ. - Nhan đề còn là sự chiêm nghiệm của tác giả về cuộc đời, vết thương chiến tranh; là sự trân trọng những hi sinh thầm lặng của con người trước, trong và sau chiến tranh. - Nghệ thuật: Tạo tình huống đặc sắc; hình ảnh giàu sức gợi; ngôn ngữ phù hợp với đặc điểm, tính cách của các nhân vật... <p>Hướng dẫn chấm:</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chung: <ul style="list-style-type: none"> + Nhan đề phù hợp, khó thay thế; góp phần làm nên giá trị, sức dẫn của truyện. + Tài năng nghệ thuật và lòng nhân đạo của tác giả. Hướng dẫn chấm: <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý; 0,25 điểm. 	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
I + II		10

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**Đọc văn bản:**

Tuổi thơ chờ đây cổ tích
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đưa con đi cùng đất nước
Chòng chành nhịp võng ca dao.

Con gặp trong lời mẹ hát
Cánh cò trắng, dải đồng xanh
Con yêu màu vàng hoa mướp
“Con gà cục tác lá chanh”.

Thời gian chạy qua tóc mẹ

Một màu trắng đến nôn nao

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao.

Mẹ ơi, trong lời mẹ hát

Có cả cuộc đời hiện ra

Lời ru chắp con đôi cánh

Lớn rồi con sẽ bay xa.

(Trong lời mẹ hát, Trương

Nam Hương)

Chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- C. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. nghị luận.
- B. tự sự.
- C. biểu cảm
- D. miêu tả.

Câu 3. Ở văn bản này, người con đã gặp *trong lời mẹ hát* những hình ảnh quen thuộc nào?

- A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh
- B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh
- C. Có cả cuộc đời hiện ra

D. Cả A,B,C đều đúng

Câu 4. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ :

Thời gian chạy qua tóc mẹ

- A. So sánh
- B. Nói quá
- C. Nhân hóa
- D. Hoán dụ

Câu 5. Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung chính của lời thơ sau:

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao

- A. Gọi hình ảnh người mẹ vất vả.
- B. Tình yêu thương của người con đối với mẹ.
- C. Thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của người con đối với mẹ
- D. Tình thương của người mẹ đối với con.

Câu 6. Lời thơ nào sau đây thể hiện rõ nét giá trị lời ru của mẹ?

- A. *Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao*
- B. *Lời ru chấp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa*
- C. *Tuổi thơ chở đầy cổ tích/ Dòng sông lời mẹ ngọt ngào*
- D. *Con gặp trong lời mẹ hát/ Cánh cò trắng, dải đồng xanh*

Câu 7. Ý nào sau đây khái quát nội dung chính của văn bản?

- A. Đề cập đến ý nghĩa lời ru của mẹ, đồng thời thể hiện lòng biết ơn của nhà thơ đối với công ơn của mẹ.
- B. Đề cập đến hình bóng người mẹ gắn với tuổi thơ và lời ru ngọt ngào.
- C. Đề cập đến những năm tháng tuổi thơ của tác giả cùng người mẹ tảo tần.
- D. Đề cập đến tấm lòng người mẹ.

Trả lời câu hỏi/thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển tâm hồn của người con?

Câu 9. Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho anh/chị những cảm xúc gì?

Câu 10. Nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm thông điệp gì từ văn bản trên?

II. VIẾT (4.0 điểm)**Đọc văn bản:**

Bài học về việc đón nhận thành công luôn thật dễ hiểu và dễ thực hiện. Nhưng đối mặt với thất bại, nhất là thất bại đầu đời, lại là điều không hề dễ dàng. Với tất cả mọi người, thất bại - nhất là thất bại trong các mối quan hệ - thường vẫn tạo ra những tổn thương sâu sắc. Điều này càng trở nên nặng nề đối với các bạn trẻ. Nhưng bạn có biết rằng tất cả chúng ta đều có quyền được khóc? Vậy nên nếu bạn đang cảm thấy cô đơn, tuyệt vọng thì hãy cho phép mình được khóc. Hãy để những giọt nước mắt ấm nồng xoa dịu trái tim đang thổn thức của bạn. Và hãy tin rằng ở đâu đó, có một người nào đó vẫn đang sẵn lòng kề vai cho bạn tựa, muốn được ôm bạn vào lòng và lau khô những giọt nước mắt của bạn... Muốn nhìn thấy cầu vồng, ta phải đi qua cơn mưa... Vì thế, hãy tin ngày mai nắng sẽ lên, và cuộc đời lại sẽ uơm hồng những ước mơ của bạn, một khi bạn còn giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin.

(Theo Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen, tập 2 - Nhiều tác giả, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2012, tr.02)

Thực hiện yêu cầu:

Từ văn bản trên, anh/ chị viết một bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của niềm tin trong cuộc sống (khoảng 500 chữ).

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ Văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5

2	C	0,5
3	D	0,5
4	C	0,5
5	C	0,5
6	B	0,5
7	A	0,5
8	<p>- Lời ru của mẹ rất quan trọng, có ý nghĩa sâu sắc đối với cuộc đời người con. Lời ru giúp con lớn lên khôn lớn, trưởng thành bay xa. Lời ru chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được và muốn xây dựng cho đứa con....</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	0,5
9	<p>Gợi ý</p> <p>Hình ảnh người mẹ trong bài thơ là một người mẹ đã tần tảo, vượt qua những khó khăn vất vả để nuôi con khôn lớn, trưởng thành. Vì vậy, hình ảnh ấy gợi lên nhiều cảm xúc trong lòng người đọc như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xúc động trước sự hi sinh của mẹ + Xót xa khi nhìn thấy mẹ già đi theo năm tháng + Yêu thương, trân quý, cảm phục sự hi sinh một đời của mẹ cho con cái. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt</p>	1.0

	<i>những cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</i>	
10	<p>Gợi ý thông điệp gửi gắm từ văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy luôn biết trân quý tình mẫu tử thiêng liêng/ trân quý tình cảm gia đình - Luôn biết ơn công ơn dưỡng dục của mẹ cha - Hãy phát huy những khúc hát ru để nuôi dưỡng tinh thần trẻ thơ... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương 01 ý như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt những cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
II	VIẾT	4,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề nghị luận, thân bài triển khai được vấn đề nghị luận, kết bài khái quát được vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của niềm tin trong cuộc sống</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm. 	0,25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới những vấn đề sau:</p>	2.5
	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản nói đến những thử thách của tuổi trẻ và khuyên tuổi trẻ cần có niềm tin trong cuộc sống. - Giải thích: niềm tin là thứ bạn cảm nhận, tin tưởng vào một điều gì đó và mong muốn nó sẽ xảy ra theo cách mà bạn suy nghĩ. - Phân tích, đánh giá, bàn bạc: Đứng trước những khó khăn, thử thách trong 	

	<p>cuộc đời, chúng ta thường nản lòng, chùn bước. Niềm tin có ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người.</p> <p>+ Niềm tin sẽ giúp ta mạnh mẽ, bản lĩnh để vượt qua tất cả.</p> <p>+ Niềm tin là động lực giúp bạn hoàn thành những mong muốn, dự định và đạt được mục tiêu của mình. Nó có thể định hướng và quyết định những hành động đúng đắn của bạn.</p> <p>+ Niềm tin tạo ra năng lượng tích cực giúp bạn xóa bỏ những rào cản, tăng lòng nhiệt huyết, phát huy những năng lực và hành động khác của bản thân.</p> <p>- Phê phán những người sống thiếu niềm tin: thường cảm giác bất an lo lắng, thiếu năng lượng, thiếu nỗ lực khiến bản thân buông xuôi.</p> <p>- Bài học: Không có niềm tin thì cuộc sống sẽ vô nghĩa. Vì vậy, cần có niềm tin và hy vọng bạn sẽ thành công và hạnh phúc. Trước khi tin vào điều gì đó thì hãy tin vào chính bạn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.</p> <p>- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.</p> <p>- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
I + II		10

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

SỰ TRUNG THỰC CỦA TRÍ THỨC

Theo nghĩa truyền thống, kẻ sĩ là một người có học. Có học nên biết lẽ phải trái để “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Cái dùng của họ không phải cái dùng chém tướng đoạt thành mà là hệ quả của cái trí, nhằm làm sáng tỏ đạo thánh hiền. Đó là một công việc khó khăn, thậm chí nguy hiểm.

Không phải lúc nào cũng có một Chu Văn An trước sự lộng hành của đám sủng thần, đám dâm thất trăm só và sau khi bị khước từ, kiên quyết từ quan về dạy học.

Không phải lúc nào cũng có anh em thái sử Bá thời Xuân Thu. Thôi Trữ sau khi giết vua Tề, ra lệnh cho thái sử Bá phải ghi vào sử: “Tề Trang Công bị bạo bệnh mà chết”. Bá ghi: “Năm Ất Hợi, tháng Năm, Thôi Trữ giết vua”. Thôi Trữ nổi giận, lôi Bá ra chém. Bá có ba người em. Hai người noi gương anh đều bị chém. Người em út vẫn điềm nhiên viết: “Năm Ất Hợi, tháng Năm, Thôi Trữ giết vua”. Trữ quát: “Ba anh ngươi đều đã bị chém, ngươi không sợ sao?” Người này nói: “Việc của quan thái sử là ghi lại sự thật, nếu xuyên tạc thì bị chết chém còn hơn”.

Nhưng không hiểu sao tôi vẫn không thích từ “kẻ sĩ” lắm. Có lẽ do màu sắc hơi “hoài cổ” của nó chăng? Đạo thánh hiền quả là cao quý và đáng trân trọng nhưng nó là một cái gì đã có. Kẻ sĩ thời nay chính là những trí thức do tính rộng mở của từ này. Nhất là vào thời đại nền kinh tế tri thức phát triển với sự bùng nổ của khoa học, đặc biệt ngành tin học. Người trí thức không những tôn trọng thánh hiền mà còn là kẻ dám mày mò vào cõi không biết, đấu tranh với những định kiến của hiện tại để phát hiện những sự thật cho tương lai.

Một nước đang phát triển như nước ta cần nhanh chóng đào tạo một đội ngũ trí thức đông đảo để khởi tụt hậu. Muốn vậy chúng ta phải lập cho được một môi trường lành mạnh trên nền tảng sự trung thực trí thức. Ít lâu nay báo chí nói nhiều đến nạn bằng giả. Đó là một hiện tượng xã hội nghiêm trọng, cần phải loại bỏ. Nhưng theo tôi, nó không nghiêm trọng bằng hội chứng “bằng thật, người giả” vì hội chứng này có nguy cơ gây sự lộn lộn trong hệ giá trị và làm ô nhiễm môi trường đạo đức một xã hội trung thực, trong đó thật/ giả phải được phân định rạch ròi và minh bạch. Chúng ta thường nói nhiều đến tài năng và trí thức. Nhưng tài năng và trí thức chỉ có thể phát triển lâu dài và bền vững trên nền tảng một xã hội trung thực.

(Trích từ *Đối thoại với đời & thơ*, Lê Đạt, NXB Trẻ, 2008, tr.14-15)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

- A. nghị luận.
- B. tự sự.
- C. miêu tả.
- D. biểu cảm.

Câu 3. Câu chuyện Chu Văn An và anh em thái sử Bá được dẫn trong văn bản thuộc thao tác lập luận gì?

- A. Giải thích.
- B. Chứng minh.
- C. Bình luận.

D. Bác bỏ.

Câu 4. Ý nào nói không đúng về tác dụng của việc dẫn lại câu chuyện Chu Văn An và anh em thái sử Bá trong văn bản?

- A. Làm sáng tỏ cái dũng khí của kẻ sĩ thời xưa.
- B. Làm sáng tỏ cái dũng khí bất chấp nguy hiểm của kẻ sĩ.
- C. Làm sáng tỏ cái nguy hiểm để cảnh báo kẻ sĩ nên tránh.
- D. Làm sáng tỏ phẩm chất trung thực của kẻ sĩ.

Câu 5. Hội chứng “bằng thật, người giả” được tác giả đề cập trong văn bản được hiểu là

- A. người dùng bằng giả nhưng tỏ ra như dùng bằng thật.
- B. người dùng bằng thật nhưng sống giả dối.
- C. người dùng bằng thật nhưng trình độ kém cỏi, không tương xứng với bằng cấp.
- D. người dùng bằng giả nhưng có trình độ cao, không tương xứng với bằng cấp.

Câu 6. Mục đích của việc so sánh kẻ sĩ ngày xưa và trí thức ngày nay là gì?

- A. Làm nổi bật cái dũng khí của kẻ sĩ xưa khi bảo vệ đạo thánh hiền.
- B. Khẳng định trí thức xưa và nay đều phải đối mặt với nguy hiểm.
- C. Nhấn mạnh điểm mới của trí thức ngày nay so với kẻ sĩ ngày xưa.
- D. Khẳng định kẻ sĩ ngày xưa dám chết vì đấu tranh cho sự thật.

Câu 7. Ý nào khái quát nội dung chính của văn bản?

A. Bàn về phẩm cách trung thực của trí thức và xây dựng xã hội trung thực để tài năng, trí thức phát triển bền vững.

B. Bàn về những kẻ sĩ dám đấu tranh để bảo vệ sự thật và sự cần thiết phải xây dựng một xã hội trung thực.

C. Bàn về vai trò của đạo thánh hiền và sự cần thiết phải học tập những tấm gương dám chết bởi đạo thánh hiền.

D. Bàn về sứ mệnh của trí thức ngày nay: phải biết đấu tranh với những định kiến của hiện tại để phát hiện những sự thật cho tương lai.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Vì sao tài năng chỉ có thể phát triển lâu dài và bền vững trên nền tảng một xã hội trung thực?

Câu 9. Anh/ Chị nêu hai biểu hiện cụ thể về phẩm chất trung thực cần có của người trí thức.

Câu 10. Anh/ Chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc truyện ngắn:

CA CẤP CỨU THÀNH CÔNG

Ngày 31 tháng 12 năm 1989.

Đêm khuya. Trong một phòng bệnh tại một bệnh viện.

Giám đốc Chu của Xưởng sản xuất cán nguội đứng ngồi không yên, cứ chốc chốc lại đưa tay lên nhìn đồng hồ, lòng ông như lửa đốt dõi theo một bệnh nhân đang nằm hôn mê trên giường bệnh.

Nửa tháng trước, thành phố có thông báo sau Tết sẽ tổ chức Hội nghị giao lưu kinh nghiệm dây chuyền sản xuất an toàn, biểu dương các đơn vị tiên tiến. Xưởng sản xuất cán nguội của ông Chu được chỉ định có bài phát biểu quan trọng trong cuộc họp ấy.

Giám đốc Chu lập tức cho gọi những nhân viên ưu tú lên, trực tiếp giao nhiệm vụ soạn thảo bài phát biểu và giám sát rất cẩn thận. Mọi người đã làm việc rất nỗ lực và qua

mười ngày mười đêm, cuối cùng họ đã thảo xong được một bài phát biểu cả chục ngàn chữ. Trong bài phát biểu giới thiệu rất tỉ mỉ về tư tưởng chỉ đạo cơ bản của xưởng sản xuất, đó là: Trong năm, xưởng không để xảy ra vụ tai nạn lao động nghiêm trọng nào. Ngoài ra, bài phát biểu còn đề cập đến những kinh nghiệm để đảm bảo an toàn lao động. Giám đốc Chu sẽ đích thân đọc bài phát biểu này tại hội nghị.

Vậy mà, trong giờ phút hết sức quan trọng ấy, ở xưởng sản xuất của ông lại xảy ra sự cố nghiêm trọng về an toàn lao động đến vậy!

Bệnh nhân vẫn chìm trong tình trạng hôn mê. Các bác sĩ đã tiến hành truyền máu, tiêm, tiếp o-xi... Nhưng, tất cả dường như đều không chút tác dụng!

Giám đốc Chu khẩn cầu bác sĩ: “Bác sĩ à, mong ông hãy nghĩ trăm phương ngàn kế giúp tôi, làm sao để kéo được sự sống cho bệnh nhân này, chỉ cần ông ấy không chết trong năm nay là được. Nếu được như vậy, xưởng chúng tôi sẽ gửi một vạn đồng để cảm ơn bệnh viện”.

Trên giường bệnh, bệnh nhân vẫn nhọc nhằn từng đợt thở thoi thóp. Xung quanh, mười mấy bác sĩ và y tá vẫn túc trực.

Thời gian trôi đi từng giây chậm chạp. Bầu không khí trong phòng bệnh vô cùng căng thẳng.

Và... bệnh nhân đã trút hơi thở cuối cùng. Tiếng khóc của người thân nức nở, vang vút trong đêm tối.

Giám đốc Chu và các bác sĩ, mọi người không hẹn mà cùng giờ tay lên nhìn đồng hồ. Kim đồng hồ lúc đó chỉ đúng 0 giờ 1 phút.

“Tốt rồi, tốt quá rồi!”, Giám đốc Chu vô cùng xúc động, ra bắt tay từng vị bác sĩ: “Cảm ơn các bác sĩ, cảm ơn các bác sĩ nhiều lắm!”

(Phản Phát Giá, trích từ *Truyện ngắn Trung Quốc hiện đại*, nhiều tác giả, NXB HNV, 2003, tr.49-50)

Thực hiện yêu cầu:

Nhan đề phản ánh khía cạnh nội dung nào của tác phẩm? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ).

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	C	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	Tài năng chỉ có thể phát triển lâu dài và bền vững trên nền tảng một xã hội trung thực, vì: <i>Xã hội trung thực mới tôn trọng/ tôn vinh thực lực, những giá trị thực.</i> Hướng dẫn chấm:	0,5

		<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	
	9	<p>Gợi ý hai biểu hiện cụ thể về phẩm chất trung thực cần có của người trí thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói đúng sự thật. - Sẵn sàng tố cáo cái sai để bảo vệ lẽ phải. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
	10	<p>Gợi ý thông điệp tích cực rút ra từ văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi người (đặc biệt là trí thức) biết sống trung thực thì góp phần xây dựng xã hội văn minh. - Sống trung thực sẽ tạo được niềm tin, sự ngưỡng mộ. <p>...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương 01 ý như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
II		VIẾT	4,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <p>Mối quan hệ giữa nhan đề và khía cạnh nội dung của truyện <i>Ca cấp cứu thành công</i>.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm. 	0,25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:</p>	2.0
		<ul style="list-style-type: none"> - Ca cấp cứu không thành công trong việc cứu người, mà thành công trong việc cứu căn bệnh thành tích. Nhan đề giấu nhại sâu cay bệnh thành tích, thói dối trá, nhẩn tâm. - Nhan đề <i>Ca cấp cứu thành công</i> vừa gợi mở cách hiểu vừa hàm chứa 	

	thái độ đánh giá. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.	
	- Đánh giá chung: + Nhan đề phù hợp, khó thay thế; góp phần làm nên giá trị, sức dẫn của truyện. + Tài năng nghệ thuật và lòng nhân đạo của tác giả. Hướng dẫn chấm: - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
I + II		10

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

CHÂN QUÊ

Hôm qua em đi tỉnh về
 Đợi em ở mãi con đê đầu làng
 Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
 Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!

Nào đâu cái yếm lụa sồi?
 Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
 Nào đâu cái áo tứ thân?
 Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

Nói ra sợ mất lòng em
 Van em em hãy giữ nguyên quê mùa
 Như hôm em đi lễ chùa
 Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!

Hoa chanh nở giữa vườn chanh
 Thấy u mình với chúng mình chân quê

Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

(Nguyễn Bính – *Thơ và đời*, NXB Văn học, 2003)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

- A. nghị luận.
- B. tự sự.
- C. miêu tả.
- D. biểu cảm.

Câu 3. Văn bản trên được viết theo thể thơ gì?

- A. Lục bát.
- B. Bảy chữ.
- C. Tự do.
- D. Thất ngôn bát cú Đường luật.

Câu 4. Ý nào **đúng nhất** khi nói về nội dung hai câu thơ “*Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng/ Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi*”?

- A. Tác giả cảm thấy đau buồn, xót xa về sự thay đổi cách ăn mặc xa hoa, đua đòi, đánh mất vẻ đẹp giản dị của cô gái.
- B. Khăn nhung, quần lĩnh, áo cài khuy bấm là trang phục giản dị, truyền thống.
- C. Tác giả đau khổ vì cô gái đã thay đổi.
- D. Tác giả xao xuyến trước vẻ đẹp, cách ăn mặc mới mẻ của cô gái.

Câu 5. Nội dung chính của văn bản trên là

- A. Tình yêu đơn phương sâu sắc của chàng trai dành cho cô gái.
- B. Chàng trai đau khổ khi cô gái đã thay lòng, đổi dạ.
- C. Chàng trai ngỡ ngàng trước sự thay đổi và mong muốn người yêu hãy giữ lấy những nét đẹp thuần phác.
- D. Chàng trai bày tỏ sự quan tâm, yêu thương, lo lắng cho người con gái mình yêu.

Câu 6. Sử dụng phép liệt kê kết hợp với câu hỏi tu từ trong đoạn thơ “*Nào đâu cái yếm lụa sồi? Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân? Nào đâu cái áo tứ thân? Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*” có tác dụng:

- A. Nhấn mạnh sự thay đổi trong cách ăn mặc của cô gái.
- B. Nhấn mạnh tâm trạng xót xa, trách móc của chàng trai.
- C. Nhấn mạnh sự thay đổi trong cách ăn mặc của cô gái làm mất đi cái gốc mộc mạc, đầm thắm và tâm trạng xót xa, trách móc của chàng trai.
- D. Nhấn mạnh sự tiếc nuối của chàng trai vì cô gái đã không còn như trước.

Câu 7. Bài thơ gửi gắm thông điệp:

- A. Khuyên con người nên chạy theo những cái mới mẻ, hiện đại, không cần giữ gìn truyền thống.

B. Mong muốn thiết tha giữ gìn vẻ đẹp truyền thống của quê hương và nét đẹp mộc mạc, đơn sơ, bình dị của con người.

C. Luôn đề cao vẻ đẹp truyền thống.

D. Đề cao sự chung thủy trong tình yêu đôi lứa.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8: Qua bài thơ, anh/chị hiểu nghĩa của từ “**chân quê**” như thế nào?

Câu 9: Nêu khái quát tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 10: Từ bài thơ, anh/chị có suy nghĩ gì về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?...”

(Trích “ **Đây thôn Vĩ Dạ**”, Hàn Mặc

Tử)

Thực hiện yêu cầu:

Anh/ chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày ấn tượng của mình về hai khổ thơ trên.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	Qua bài thơ, nghĩa của từ “chân quê”: vẻ đẹp mộc mạc, đầm thắm, giản dị, chân chất Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời đúng từ 2 đến 3 từ: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không đúng hoặc chỉ đúng 1 từ: 0,0 điểm.	0,5
	9	Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ: <i>Bồn chồn, mong đợi</i>	1.0

	<p>người yêu; bất ngờ đến ngõ ngàng trước sự thay đổi trong cách ăn mặc của cô gái; trách móc, xót xa, tiếc nuối trước sự thay đổi ấy; mong muốn, nhắc nhở người mình yêu gìn giữ vẻ đẹp truyền thống.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án hoặc trả lời đúng 3 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	
10	<p>Suy nghĩ về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng, là giá trị cốt lõi, căn bản của dân tộc được hình thành qua thời gian dài. Vì vậy, mỗi người phải có ý thức và trách nhiệm trong việc giữ gìn. - Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc phải có bản lĩnh văn hóa, một mặt phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc, mặt khác biết tiếp thu có chọn lọc văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới để làm giàu cho văn hóa nước nhà. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý trong đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
II	VIẾT	4,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <p>Ấn tượng về vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của hai khổ thơ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm. 	0,25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:</p>	2.0
	<ul style="list-style-type: none"> - Về nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Khổ 1: Vẻ đẹp hài hòa giữa thiên nhiên và con người thôn Vĩ buổi ban mai. Tâm trạng yêu đời, yêu thiên nhiên, cuộc sống của nhân vật trữ tình. + Khổ 2: Vẻ đẹp mây trời, sông nước xứ Huế từ chiều về đêm. Tâm trạng âu lo, dự cảm mơ hồ về sự chia lìa. - Về nghệ thuật: ngôn ngữ điêu luyện; bút pháp vừa lãng mạn vừa tượng trưng; kết hợp nhuần nhuyễn các biện pháp tu từ: câu hỏi tu từ, so sánh, nhân hóa... 	

	Hướng dẫn chấm m: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.	
	- Đánh giá chung: Đây thôn Vĩ Dạ tiêu biểu cho phong cách thơ Hàn Mặc Tử; thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên và con người xứ Huế; khẳng định niềm khao khát tình người, tình đời. Hướng dẫn chấm: - Trình bày tương đương như đáp án hoặc đúng 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
I + II		10

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm):**Đọc văn bản:****VẾT NÚT VÀ CON KIẾN**

Khi ngồi ở bậc thềm trước nhà, tôi nhìn thấy một con kiến đang tha chiếc lá trên lưng. Chiếc lá lớn hơn con kiến gấp nhiều lần.

Bò được một lúc, con kiến chạm phải một vết nứt khá lớn trên nền xi măng. Nó dừng lại giây lát. Tôi tưởng con kiến hoặc là quay lại, hoặc là sẽ một mình bò qua vết nứt đó. Nhưng không, con kiến đặt chiếc lá ngang qua vết nứt trước, sau đó đến lượt nó vượt qua bằng cách vượt lên trên chiếc lá. Đến bờ bên kia, con kiến lại tha chiếc lá và tiếp tục cuộc hành trình.

Hình ảnh đó bất chợt làm tôi nghĩ rằng tại sao mình không thể học loài kiến nhỏ bé kia, biến những trở ngại, khó khăn của ngày hôm nay thành hành trang quý giá cho ngày mai tươi sáng hơn!

(Theo Hạt giống tâm hồn, tập 5, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2013)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1 (0.5 điểm)

Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt
- B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- C. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí

Câu 2 (0.5 điểm)

Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 3 (0.5 điểm)

Văn bản trên sử dụng thao tác lập luận gì?

- A. Giải thích
- B. Chứng minh
- C. Bình luận
- D. Bác bỏ

Câu 4 (0.5 điểm)

Ý nào trong văn bản đúng với hình ảnh con kiến vượt qua trở ngại?

- A. Cần sự giúp đỡ của đàn kiến để vượt qua sự trở ngại
- B. Tìm cách vượt qua khó khăn để băng qua kẽ hở
- C. Chùn bước trước khó khăn, trở ngại, thách thức trước mắt
- D. Biến những khó khăn ngày hôm nay thành hành trang quý giá.

Câu 5 (0.5 điểm)

“Vết nứt” trong văn bản được hiểu là :

- A. Chỉ những khó khăn, trở ngại mà chúng ta cần phải vượt qua
- B. Là vết nứt thông thường, là kẽ hở mà con người thường gặp trong cuộc sống.

C. Là những khó khăn, trở ngại trên hành trình của con kiến

D. Là nơi tạo nên sự nguy hiểm khi con kiến phải đối mặt

Câu 6 (0.5 điểm)

Tác giả miêu tả hình ảnh con kiến vượt qua vết nứt có ý nghĩa gì đối với chúng ta?

A. Trong cuộc sống, ta cần phải hiểu được vị trí địa lý của địa hình

B. Trong cuộc sống, con người cần phải vượt qua khó khăn thử thách

C. Vết nứt là nơi con kiến dừng lại trước những hiểm nguy

D. Đây là nơi không phải địa hình thuận lợi để đàn kiến xây tổ

Câu 7 (0.5 điểm)

Ý nào thể hiện nội dung của văn bản?

A. Con kiến dừng lại chờ sự trợ giúp của đồng đội kiến

B. Con kiến vứt bỏ chiếc lá trên lưng để giải thoát chính mình

C. Con kiến dùng chiếc lá bắt ngang vết nứt để vượt qua kẽ hở

D. Con kiến tìm đường vòng để đi nhằm tránh kẽ hở

Câu 8 (0.5 điểm)

Vì sao tác giả cho rằng: “tại sao mình không học loài kiến nhỏ bé kia, biến trở ngại, khó khăn ngày hôm nay thành hành trang quý giá cho ngày mai”?

Câu 9 (1.0 điểm)

Anh/chị nêu những yếu tố cần thiết để giải quyết những khó khăn khi mình gặp phải?

Câu 10 (1.0 điểm)

Anh/chị rút ra thông điệp gì sau khi đọc văn bản?

II. VIẾT (4.0 điểm): Đọc đoạn thơ:

Năm ấy lụt to tận mái nhà
Mẹ con lên chạn – Bỏ đi xa
Bồn bề nước réo, nghe ghê lạnh
Tay mẹ trùm con, tựa mẹ già.

Mẹ cắn bầm môi cho khỏi khóc
Thương con lúc ấy biết gì hơn ?
Nước mà cao nữa không bè thúng
Nếu chết trôi ơi! Ôm lấy con.

Gọi với lảng giềng, lời mẹ dặn
 “Xây chi cứu giúp lấy con tôi!”
 Tiếng dờn giữa nước mênh mông trắng
 Đáp lại từ xa một tiếng “ời”

Nước, nước... lạnh tê như số phận
 Lắt lay còn ngọn mây hàng cau
 Nhưng mà mẹ thức ngồi canh chạn
 Mắt mẹ trùng sâu hơn nước sâu.

(Trích “Nhớ mẹ năm lụt” – Huy Cận)

Thực hiện yêu cầu:

Nhan đề “Nhớ mẹ năm lụt” phản ánh khía cạnh nội dung nào của tác phẩm?

Anh/chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	C	0,5
	8	-Bởi vì con người ngại khó, ngại khổ trước những khó khăn, thử thách... <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.	0,5
	9	Những yếu tố cần thiết khi mình đứng trước khó khăn: -Không ngại khó, ngại khổ -Tìm mọi cách để vượt lên những khó khăn -Cần cù, kiên nhẫn, có nghị lực để vượt lên hoàn cảnh. <i>Hướng dẫn chấm:</i>	1.0

		<p>- Học sinh trả lời được 2 ý tương đương đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	
	10	<p>Thông điệp được rút ra:</p> <p>-Trước bất cứ những khó khăn trong cuộc sống, ta cần kiên trì, nhẫn nại đôi mắt và sẵn sàng vượt qua</p> <p>-Biết biến những trở ngại, khó khăn trước mắt thành cơ hội, hành trang quý giá cho ngày mai.</p> <p>-Để theo đuổi mục đích của mình, ta cần phải nỗ lực khắc phục khó khăn vượt lên hoàn cảnh.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương 02 ý như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
II		VIẾT	4,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <p>Mối quan hệ giữa nhan đề và khía cạnh nội dung của văn bản đó là: “nhớ mẹ năm lụt”</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.</p>	0,25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:</p>	2.0
		<p>- Mùa lụt đến, bố vắng nhà một mình mẹ gánh vác mọi việc: lo cho mẹ già và những đứa con thơ. Mẹ đã hi sinh tất cả để gia đình được bình an giữa mùa lụt.</p> <p>- Nhan đề “nhớ mẹ mùa lụt” gợi mở nhiều cảm xúc cho người đọc về tình mẫu tử thiêng liêng, vừa hàm súc, vừa chứa đựng thái độ trân trọng của tác giả...</p>	

		<p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm. 	
		<p>- Đánh giá chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhan đề gần gũi với hiện thực của cuộc sống, dễ hiểu, góp phần làm nên sức hấp dẫn của bài thơ, cho thấy giá trị về tình mẫu tử thiêng liêng của mỗi con người. + Ngôn từ gần gũi, giàu cảm xúc; ẩn chứa tấm lòng của tác giả - vừa nhắn gửi thông điệp đến người đọc về sự hi sinh cao cả của người mẹ. <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm. 	0,5
		<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i> Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
		<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
I + II			10